DANH MỤC TÀI LIỆU VĂN KIỆN ĐHĐCĐ 2024

1. CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024 2
2. NỘI QUY LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 4
3. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ 7
4. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024 14
5. BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 18
6. BÁO CÁO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023 CỦA BAN KIỂM SOÁT 28
7. TỜ TRÌNH VỀ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BAN KIỂM SOÁT 34
8. TỜ TRÌNH LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2024 35
9. TỜ TRÌNH THÔNG QUA BCTC RIÊNG VÀ HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2023 36
10. TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023 38
11. TỜ TRÌNH VỀ THÙ LAO, PHỤ CẤP, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024 40
12. TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2024. 42
13. TỜ TRÌNH CHUYỂN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU BVB TỪ UPCOM SANG NIÊM YẾT TẠI SGDCK 49
14. TỜ TRÌNH BAN HÀNH QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG 51
15. TỜ TRÌNH BAN HÀNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 65
16. TỜ TRÌNH BAN HÀNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 76
17. TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT 77
18. TỜ TRÌNH CÁC NỘI DUNG ĐHĐCĐ ỦY QUYỀN CHO HĐQT 187
19. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 189

PHỤ LỤC 01: DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG 195

PHỤ LỤC 02: DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 205

PHỤ LỤC 03 : QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 221

Signature Not Verified
Ký bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT
Ký ngày: 3/4/2024 08:53:20

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CỦA NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

Thời gian: lúc 13 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Địa điểm: Khách sạn Mường Thanh Holiday Mũi Né

54 Huỳnh Thúc Kháng, KP4, P. Hàm Tiến, TP. Phan Thiết, Bình Thuận, Việt Nam

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	TRÌNH BÀY
I		**Đón tiếp cổ đông và khách mời**	
	13h30	Cổ đông đăng ký và xác nhận tư cách đại biểu	
II		**Khai mạc Đại hội**	
1	14h00	Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo cổ đông tham dự và thông qua Nội quy làm việc của Đại hội	Ban kiểm tra
2	14h10	Giới thiệu thành phần tham dự, bầu Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, chương trình nghị sự và đề nghị Đại hội thông qua	MC
3	14h15	Khai mạc Đại hội	Đoàn chủ tọa
III		**Chương trình Đại hội**	
1	14h20	Báo cáo đánh giá công tác HĐQT, kết quả triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Ngân hàng Bản Việt	Đoàn chủ tọa
2	14h30	Tờ trình định hướng hoạt động và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của HĐQT	Đoàn chủ tọa
3	14h35	Báo cáo của Ban điều hành về công tác quản lý, điều hành năm 2023 và kế hoạch thực hiện các định hướng năm 2024	Đoàn chủ tọa
4	14h45	Báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2023	Ban kiểm soát
5	14h50	Tờ trình thông qua thù lao, chi phí hoạt động năm 2024 của BKS	Ban kiểm soát
6	14h55	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	Ban kiểm soát
7	15h00	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023	Đoàn chủ tọa

8	15h05	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023	Đoàn chủ tọa
9	15h10	Tờ trình thông qua thù lao, phụ cấp chuyên trách, chi phí hoạt động của HĐQT năm 2024	Đoàn chủ tọa
10	15h15	Tờ trình phương án tăng vốn điều lệ năm 2024	Đoàn chủ tọa
11	15h25	Tờ trình chuyển giao dịch cổ phiếu BVB từ UpCom sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán	Đoàn chủ tọa
12	15h30	Tờ trình thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng	Đoàn chủ tọa
13	15h35	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	Đoàn chủ tọa
14	15h40	Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	Đoàn chủ tọa
15	15h45	Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ của BVBank	Đoàn chủ tọa
16	15h50	Tờ trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị một số nội dung	Đoàn chủ tọa
17	15h55	Đại hội thảo luận	
18	16h05	Trình Đại hội thông qua Ban kiểm phiếu	MC
19	16h10	Phổ biến thể lệ biểu quyết và thu phiếu	Ban kiểm phiếu
20	16h15	Giải lao	
21	16h30	Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
22	16h40	Phát biểu của lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước	Đại diện NHNN
23	16h45	Chủ tọa phát biểu tiếp thu ý kiến của lãnh đạo Ngân hàng nhà nước	Đoàn chủ tọa
24	16h50	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Thư ký đoàn
25	17h00	Chủ tọa phát biểu bế mạc	Đoàn chủ tọa

NỘI QUY LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Ngân hàng.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 3. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội lựa chọn trang phục lịch sự, trang nhã.
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Hạn chế nói chuyện riêng và sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Ngân hàng Bản Việt và theo quy định của pháp luật.
2. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền mang theo chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông đối chiếu và được nhận phiếu biểu quyết công khai.
3. Có quyền phát biểu trực tiếp tại Đại hội hoặc ghi ý kiến vào phiếu ghi ý kiến đóng góp và gửi cho Ban tổ chức Đại hội để giải quyết, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.
4. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn; không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.
5. Để đảm bảo tỷ lệ bỏ phiếu, trong quá trình diễn ra đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài, trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài thì phải thực hiện thủ tục ủy quyền cho Chủ tọa đoàn hoặc một trong những người có tên trong danh sách người nhận ủy quyền thay mặt cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có trách nhiệm:

a) Kiểm tra tỷ lệ cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;

b) Kiểm tra chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp;

c) Phát phiếu biểu quyết và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

d) Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội và nội quy Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

a) Thông báo thể lệ biểu quyết tại Đại hội;

b) Hướng dẫn cách sử dụng phiếu biểu quyết công khai;

c) Tiến hành kiểm đếm phiếu biểu quyết công khai, tổng hợp và công bố kết quả biểu quyết của từng vấn đề, lập biên bản kết quả biểu quyết.

2. Chủ tọa đoàn có thể thành lập bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn và Thư ký đoàn

1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn:

a) Điều khiển đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ, quy chế đã được Đại hội thông qua;

b) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

c) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; mời những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa đoàn, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội;

d) Chủ tọa đoàn có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

e. Trường hợp Chủ tọa đoàn hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội trái với quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa đoàn điều hành cuộc họp cho đến khi kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

2. Thư ký đoàn có trách nhiệm:

a) Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội;

b) Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông;

c) Soạn thảo biên bản cuộc họp và nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội;

d) Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

Điều 8. Biểu quyết tại Đại hội

1. Tất cả các vấn đề chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông (trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín).

2. Hình thức biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ tay biểu quyết để thông qua các nội dung liên quan đến công tác tổ chức của Đại hội, Biên bản và Nghị quyết Đại hội;

- Cổ đông biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu vào thùng phiếu để thông qua một số nội dung nghị sự của Đại hội.

3. Đại hội thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa đoàn công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

TM. BAN TỔ CHỨC

CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ ANH TÀI

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 47/24/BVBank/BC-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc đánh giá công tác của HĐQT, kết quả triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Bản Việt năm 2023

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về công tác của HĐQT, kết quả triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Bản Việt năm 2023 như sau:

I. BÁO CÁO NHÂN SỰ THAM GIA HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2025

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (Ngân hàng Bản Việt) tiếp tục duy trì danh sách các thành viên của HĐQT theo nhiệm kỳ 2020-2025 đã được Ngân hàng Nhà Nước chuẩn y như sau:

(i)	Ông Lê Anh Tài	- Chủ tịch HĐQT
(ii)	Bà Nguyễn Thanh Phượng	- Thành viên HĐQT
(iii)	Ông Ngô Quang Trung	- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
(iv)	Ông Nguyễn Nhất Nam	- Thành viên HĐQT
(v)	Ông Phạm Quang Khánh	- Thành viên HĐQT độc lập

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

- Trong năm 2023, nền kinh tế thế giới vẫn còn chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ các sự kiện địa chính trị diễn biến phức tạp, áp lực lạm phát tiếp tục ở mức cao. Các diễn biến khó lường, bất ổn từ những sự kiện này đã tác động tiêu cực đến hầu hết mảng kinh doanh tại Việt Nam, đặc biệt là thị trường bất động sản. Với vai trò là huyết mạch của nền kinh tế, trong năm qua, toàn ngành ngân hàng đã nỗ lực không ngừng để vượt qua những rủi ro và thách thức, cố gắng kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, điều hành chính sách tiền tệ cũng như duy trì tốc độ tăng trưởng.

- Trong năm 2023, HĐQT Ngân hàng Bản Việt đã định hướng thận trọng và tăng trưởng có chọn lọc nhằm thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu mà toàn ngành đang hướng đến, tăng trên cơ sở ưu tiên quản trị rủi ro và cân bằng chất lượng tài sản. HĐQT luôn bám sát định hướng đề ra và linh hoạt chuẩn bị các kế hoạch hành động; đồng thời chủ động nắm bắt các cơ hội để đảm bảo việc vận hành của Ngân hàng ổn định và phát triển.

- Trong suốt thời gian thực hiện nhiệm vụ, HĐQT đã triển khai nghiêm túc các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của HĐQT đã được tổ chức định kỳ hàng Quý với 04 (bốn) phiên định kỳ.

- Những nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT luôn được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thường xuyên để kịp thời phê duyệt các nội dung trọng yếu, đảm bảo hoạt động kinh doanh thực hiện đúng định hướng mà ĐHĐCĐ phê duyệt. Theo đó, trong năm 2023, đã có tổng cộng 137 nội dung được HĐQT thông qua và triển khai.

III. BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ NĂM 2023

1. Các chỉ tiêu chung

(i) Tổng tài sản: tại thời điểm 31/12/2023, tổng tài sản của Ngân hàng Bản Việt đạt hơn 87.884 tỉ đồng, tăng 11% so với năm 2022 và hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra. Tổng huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt hơn 67.162 tỷ đồng, tăng trưởng 13% so với năm 2022. Tổng dư nợ cấp tín dụng khách hàng đạt hơn 57.768 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ.

(ii) Mạng lưới hoạt động: Trong năm 2023, Ngân hàng Bản Việt tiếp tục thực hiện theo phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước, trong đó chú trọng điều chỉnh tốc độ mở rộng mạng lưới hoạt động phù hợp. Kết thúc năm 2023, Ngân hàng đã thực hiện mở mới 08 điểm kinh doanh, nâng tổng số chi nhánh và phòng giao dịch của Ngân hàng Bản Việt đạt 116 điểm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Ngoài ra, để tiếp tục nâng cao chất lượng mạng lưới hoạt động, Ngân hàng tiếp tục thực hiện việc di dời các địa điểm kinh doanh không thuận lợi đến các vị trí phù hợp, đảm bảo việc nhận dạng thương hiệu hiệu quả hơn.

(iii) Hiệu quả hoạt động kinh doanh: Kết thúc năm tài chính 2023, tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng Bản Việt đạt hơn 1.755 tỷ đồng, trong đó thu nhập thuần từ lãi giảm gần 14% do tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, BVBank đã thực hiện các biện pháp hỗ trợ khách hàng, giảm mặt bằng lãi suất, lãi thuần thu từ hoạt động dịch vụ giảm 45% so với năm 2022 do tác động chủ yếu từ nguồn thu bảo hiểm liên kết. Trong năm 2023, do ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường, chất lượng tài sản toàn ngành ngân hàng suy giảm đáng kể nên nhằm đảm bảo rủi ro, Ngân hàng Bản Việt chủ động tăng Chi phí dự phòng tăng 23% so với năm 2022, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 3%, cụ thể đạt mức 2,79%. Các biện pháp này đã ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận trước thuế năm 2023 của toàn hàng. Trong năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt 72 tỷ đồng, giảm đáng kể so với năm 2022.

Tuy nhiên, năm 2023 cũng ghi nhận nhiều điểm sáng trong hoạt động kinh doanh, tạo tiền đề để ngân hàng phục hồi tăng trưởng trong năm 2024 như lượng khách hàng năm 2023 tiếp tục có sự tăng trưởng nhanh nhờ kết quả của quá trình chuyển đổi số; cụ thể Khách hàng cá nhân đạt hơn 1.7 triệu khách hàng, tăng 31% và Khách hàng doanh nghiệp đạt hơn 15.500 khách hàng, tăng 25% so với năm 2022.

(iv) Trong hoạt động Ngân hàng số và thực hiện ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số hóa: Ngân hàng Bản Việt đã hoàn tất mục tiêu chiến lược chuyển đổi số hóa 03 năm giai đoạn 2021-2023. Sau 3 năm thực hiện việc đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt bằng cách đầu tư nâng cấp công nghệ thông tin hiện tại, năng lực xử lý và băng thông hệ thống được đảm bảo, các công nghệ mới được phát triển và hoàn thiện đã mang lại tiện ích cao hơn cho khách hàng, nhờ vậy mức độ hài lòng về trải nghiệm của khách hàng ngày càng tăng. Trong năm 2023, số lượng khách hàng mới trên kênh số của Ngân hàng Bản Việt ghi nhận mức tăng trưởng cao, trong đó kênh số Digimi tăng mới hơn 100% số lượng khách hàng, đạt gần 400.000 khách hàng; kênh số Timo tăng mới gần 25%, đạt gần 700.000 khách hàng.

2. Công tác quản trị, giám sát điều hành

- Kết thúc năm 2023, HĐQT đã tận dụng nguồn lực sẵn có để phát triển và tập trung vào các sản phẩm, dịch vụ và tiện ích dành cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ dựa trên nền tảng công nghệ số và thiết bị di động nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. Ngân hàng cũng đã điều chỉnh chính sách bán hàng, phân bổ doanh số phù hợp, xây dựng lại chính sách lãi suất và cơ chế phân chia thẩm quyền quyết định lãi suất phù hợp với từng sản phẩm khác nhau để hiệu quả kinh doanh được tối ưu.

- Dưới sự quản trị, giám sát và điều chỉnh kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, hiện mô hình tổ chức của Ngân hàng đã được tối ưu. Ngoài ra, cùng với việc áp dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý và vận hành, tốc độ thực hiện các hoạt động nghiệp vụ được đẩy nhanh nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác và giảm sai sót, đảm bảo việc quản lí rủi ro hiệu quả, cụ thể như sau:

(i) Trong hoạt động huy động vốn

Trong năm 2023, Ngân hàng đã có nhiều chính sách huy động vốn một cách linh hoạt, tập trung giám sát tình hình huy động của toàn thị trường để có chính sách lãi suất và quy mô huy động phù hợp. Những chính sách này đã giúp cho Bản Việt có nguồn vốn huy động ổn định và vẫn đảm bảo tuân thủ chính sách giảm mặt bằng lãi suất của NHNN.

(ii) Trong hoạt động cấp tín dụng

Với thực trạng chung của toàn ngành là chất lượng tín dụng suy giảm nên trong năm 2023, HĐQT và BĐH đã có những chính sách điều chỉnh khẩu vị rủi ro linh hoạt, điều chỉnh các tiêu chuẩn và điều kiện cấp tín dụng để có được các sản phẩm phù hợp nhằm tăng trưởng tín dụng. Ngoài ra, thực hiện theo chỉ đạo của NHNN, Ngân hàng cũng có chính sách hy sinh lợi nhuận, giảm lãi suất cho vay đối với nhóm khách hàng sản xuất kinh doanh để tăng sức cạnh tranh, giữ chân khách hàng cũ và thu hút thêm khách hàng mới.

Trong năm 2023, các sản phẩm tín dụng của Ngân hàng Bản Việt tiếp tục tập trung vào nhóm khách hàng vay nhỏ lẻ, ưu tiên nhóm ngành sản xuất kinh doanh, đặc biệt là cho vay nông nghiệp; ngưng cho vay bất động sản kinh doanh và ưu tiên hạn mức cho vay bất động sản để ở với các hồ sơ có nguồn thu nhập ổn định từ lương nhằm giảm thiểu độ rủi ro đối với các khoản vay dư nợ này. Ngân hàng tiếp tục tăng cường công tác thẩm định khách hàng, thắt chặt việc cho vay theo đúng định hướng đồng thời xây dựng cơ chế chế tài đối với các khoản vay không đúng định hướng để tránh lãng phí nguồn lực. Ngoài ra, Ngân hàng cũng thường xuyên rà soát và điều chỉnh sản phẩm nhằm đạt hiệu quả, các sản phẩm được phân chia phù hợp với quy mô của từng nhóm đối tượng khách hàng, ngành nghề và đặc thù của địa phương.

Trong thời gian qua, các nền tảng công nghệ phục vụ công tác quản trị, quản lí dữ liệu khách hàng như hệ thống khởi tạo khoản vay, hệ thống teller app được đầu tư một cách tối ưu và hoàn thiện. Điều này ngoài việc giúp nâng cao chất lượng phục vụ và trải nghiệm cho khách hàng, còn hỗ trợ cho việc đánh giá khách hàng, đánh giá sản phẩm từ đó nâng cao việc quản lý rủi ro và phát triển sản phẩm.

(iii) Trong hoạt động quản lý rủi ro

- Trong năm 2023, Ngân hàng Bản Việt đã thực hiện hiện đại hóa nền tảng Quản lý rủi ro để phục vụ bán lẻ bằng việc đầu tư vào các hệ thống quản lý rủi ro phù hợp với từng giai đoạn biến động của thị trường. Ngân hàng đã thực hiện mô hình Kiểm soát tuân thủ theo Basel 2, đầu tư và phát triển hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM trên nền điện toán đám mây để nâng cao năng suất bán hàng và mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều để tăng cường hiệu quả quản lý tài chính.
- Trong năm 2024, Ngân hàng tiếp tục hiện đại hóa Quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế bằng cách xây dựng khung QLRR về ngân hàng số, áp dụng chỉ tiêu RAROC trong hoạt động kinh doanh, thực hiện Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9 để hỗ trợ các quyết định kinh doanh dựa trên cơ sở dự báo rủi ro một cách có hệ thống.

(iv) Trong hoạt động ngân hàng số

- Phát triển Ngân hàng số tiếp tục là một trong những hoạt động trọng điểm trong chiến lược kinh doanh, Ngân hàng Bản Việt đang được đánh giá tích cực và trở thành một ngân hàng được yêu thích của người dùng khi luôn thuộc nhóm các ngân hàng tiên phong đưa các tiện ích mới đến với người dùng.

- Ngoài những tính năng hữu ích được khách hàng đánh giá cao trước đó như mở tài khoản eKYC, mở thẻ tín dụng/thẻ thanh toán online, chuyển tiền bằng VietQR/số điện thoại, thanh toán khoản vay/học phí, mua bảo hiểm sức khỏe,… Trong năm 2023, ngân hàng số Digimi đã tiếp tục ra mắt thêm nhiều tính năng mới như tài khoản số đẹp, đặt vé máy bay, Top-up data, Bảo hiểm xe cơ giới và Thanh toán QR Code xuyên biên giới. Với nhóm khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng Bản Việt đã có ra mắt ngân hàng số có tên Digibiz với đầy đủ các tính năng từ thanh toán, chuyển tiền, tiết kiệm, quản lý khoản vay và duyệt các giao dịch. Ngân hàng số Timo cũng đã có nhiều tính năng mới như hũ chi tiêu giúp nhóm khách hàng trẻ quản lý tài chính cá nhân hiệu quả hơn.

- Ngân hàng Bản Việt tiếp tục duy trì việc hợp tác chặt chẽ với các công ty fintech để xây dựng các dịch vụ tài chính sâu hơn trong hoạt động cho vay và sản phẩm tiết kiệm, khi các platform số mở rộng cách tiếp cận khách hàng và phân phối sản phẩm vượt trội so với con đường truyền thống. Đây tiếp tục là chiến lược phát triển của BVBank trong giai đoạn tới.

(v) Trong hoạt động xây dựng hình ảnh thương hiệu

- Năm 2023 đánh dấu bước chuyển mình ấn tượng của Ngân hàng Bản Việt khi thay đổi toàn bộ nhận diện thương hiệu của Ngân hàng. Sự thay đổi này sẽ giúp ngân hàng dễ tiếp cận và đến gần khách hàng hơn trong lộ trình bám sát mục tiêu trở thành "Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại, hướng đến khách hàng đặc biệt là khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ". Logo và bộ nhận diện thương hiệu mới đồng nhất với tên gọi viết tắt BVBank để khách hàng thuận tiện hơn trong cách gọi, nhận biết và ghi nhớ.

3. Về công tác triển khai nhiệm vụ cụ thể

Trong năm 2023, từng thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công thông qua các Nghị quyết, Quyết định chỉ đạo hoạt động quản trị, các chủ trương, chính sách và hoạt động kinh doanh, góp phần quan trọng đảm bảo công tác quản trị xuyên suốt trên nguyên tắc phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững.

(i) Trong công tác tham gia phê duyệt hồ sơ tín dụng, trong thời gian qua, tùy theo tình hình thị trường, định hướng tín dụng và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng, HĐQT đã ban hành nhiều chính sách tín dụng và điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt một cách linh hoạt và hợp lí. Ngoài ra, 04 Thành viên thường trực HĐQT cũng trực tiếp tham gia các cuộc họp trình cấp hạn mức tín dụng theo thẩm quyền, riêng trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng cộng 350 hồ sơ tín dụng với tổng cấp hạn mức tín dụng vào thời điểm 31/12/2023 là 31.960 tỷ đồng.

(ii) Trong công tác tham gia phê duyệt nhân sự cấp cao của Ngân hàng, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động cũng như nâng cao tính khách quan và minh bạch, ngoài việc ban hành các chính sách, định mức nhân sự hợp lí, 03 Thành viên thường trực HĐQT đã trực tiếp tham gia công tác tuyển dụng các nhân sự cấp cao. Riêng trong năm 2023, HĐQT phê duyệt trực tiếp tổng cộng 46 trường hợp, trong đó Tuyển dụng mới 06 nhân sự; Bổ nhiệm 09 nhân sự; Tái bổ nhiệm 19 nhân sự; Chấm dứt Hợp đồng lao động 08 nhân sự, đồng thời thực hiện bố trí các vị trí quản lý phù hợp cho 04 nhân sự đang công tác.

(iii) Về công tác xử lý nợ xấu, nợ quá hạn: trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt việc tập trung đẩy mạnh công tác giám sát nợ và thu hồi nhanh chóng các khoản nợ quá hạn, nợ xấu. Tổng số nợ quá hạn, nợ xấu thu hồi được trong năm 2023 là 4.272,57 tỷ đồng, trong đó:

- Thu gốc là 4.040,27 tỷ đồng. (tăng 285% so với năm 2022)
- Thu lãi là 232,31 tỷ đồng. (tăng 142% so với năm 2022)

(iv) Ngoài việc tham gia các nhiệm vụ tại các Hội đồng, Uỷ ban trực thuộc HĐQT, các thành viên thường trực HĐQT cũng đã có những chỉ đạo kịp thời trong công tác điều hành. Đặc biệt, trước tình hình biến động kinh tế theo chiều hướng xấu, xuất hiện nhiều thông tin không chính thống có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của Ngân hàng; HĐQT đã kịp thời chỉ đạo để lên kịch bản ứng phó với biến động thị trường, đồng thời ban hành các chương trình huy động vốn, tăng quy mô và điều chỉnh giá huy động phù hợp để đảm bảo thanh khoản toàn hàng cũng như xây dựng cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên giữa cấp lãnh đạo và cán bộ công nhân viên để ổn định tâm lý người lao động.

4. Báo cáo thực hiện kế hoạch phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 01/23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023

Kế hoạch tăng vốn năm 2022-2023 đã hoàn thành và đã được NHNN thông qua việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ theo QĐ số 2276/QĐ-NHNN ngày 01/12/2023. Vốn điều lệ hiện tại: **5.016.800.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm ngàn không trăm mười sáu tỷ tám trăm triệu đồng). Nội dung chi tiết sẽ được trình bày theo Tờ trình số: 52/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 trong Văn kiện Đại hội này.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ ỦY QUYỀN CHO HĐQT

1. Các nội dung đã thực hiện:

- Quyết định nội dung và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi tên viết tắt bằng Tiếng Anh trên giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lê và các văn bản khác có liên quan (nếu có), bao gồm cả việc chỉnh sửa, hoàn thiện các nội dung có liên quan để hoàn tất việc đăng ký theo hướng dẫn của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật. Triển khai thực hiện và quyết định các nội dung khác liên quan đến việc thay đổi tên viết tắt bằng Tiếng Anh, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như Công bố thông tin, truyền thông, thông báo, nhận diện thương hiệu…theo quy định pháp luật và thực tế hoạt động của BVBank;

Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành BVBank phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của BVBank;

- Quyết định việc xử lý các rủi ro tổn thất tín dụng và phi tín dụng, bao gồm việc sử dụng quỹ dự phòng, miễn, giảm lãi ... nhằm đẩy mạnh thu hồi các khoản nợ và các khoản phải thu khác theo quy định để nhanh chóng thu hồi vốn đưa vào kinh doanh. Quyết định các giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của BVBank.

- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với từng Thành viên HĐQT dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh trong năm 2022 của BVBank.

- Quyết định xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2023 phù hợp với tình hình thực tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Bản Việt.

- Quyết định các vấn đề, nội dung được ủy quyền liên quan đến việc triển khai đề án phát hành tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Bao gồm việc ra quyết định và chỉ đạo thực hiện các thủ tục liên quan đến việc niêm yết các Chứng khoán phát hành ra công chúng của Ngân hàng sau khi kết thúc các đợt phát hành trên hệ thống giao dịch chứng khoán/Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

- Quyết định việc điều chỉnh nội dung Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục pháp lý Theo quy định pháp luật để hoàn tất việc điều chỉnh Điều lệ.

2. Các nội dung chưa thực hiện:

- Quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp có giá trị từ 20% vốn Điều lệ trở lên của BVBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Thành lập hoặc mua lại các công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành;

- Quyết định đề án hoạt động đối ngoại; Quyết định phương án đầu tư, mua bán tài sản, xây dựng cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật; Quyết định việc đầu tư, mua bán tài sản của BVBank có giá trị từ 20% vốn Điều lệ trở lên của BVBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất để đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh.

- Quyết định các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của BVBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa BVBank với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, Cổ đông lớn của BVBank; Công ty con, Công ty liên kết của BVBank

- Quyết định tham gia hỗ trợ, Phương án xử lý, tái cơ cấu (các) Qũy tín dụng nhân dân trình Ngân hàng Nhà Nước, cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận. Thực hiện chỉnh sửa, hoàn thiện và triển khai thực hiện Phương án theo quy định, hướng dẫn của Ngân hàng để nâng cao uy tín, thương hiệu Ngân hàng trên thị trường tài chính.

- Quyết định liên quan đến việc chuyển giao dịch cổ phiếu BVBank từ UPCOM sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Với các kết quả triển khai trong năm qua, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2023 của Ngân hàng Bản Việt như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Chỉ tiêu 2023 ĐHĐCĐ phê duyệt	Chỉ tiêu 2023 (đã được điều chỉnh)	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch điều chỉnh
1	Tổng tài sản	87.884	86.600	86.600	101%
2	Huy động khách hàng	67.162	69.000	69.000	97%
3	Dư nợ cấp tín dụng	57.768	56.963	56.963	101%
4	Lợi nhuận trước thuế	72	502	130	55%
5	Tỷ lệ nợ xấu (*)	2.79%	<3%	<3%	<3%
6	Số điểm giao dịch	116	140	140	82%
	(*): Chỉ tiêu phê duyệt của NHNN				

Trên đây là báo cáo đánh giá công tác của HĐQT, kết quả triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Bản Việt năm 2023.

HĐQT chân thành cảm ơn sự ủng hộ và tin tưởng của Quý cổ đông và các cơ quan quản lý Nhà Nước đối với hoạt động của Ngân hàng Bản Việt nói chung và hoạt động của HĐQT nói riêng trong thời gian qua. Kính mong Quý vị sẽ tiếp tục gắn bó và hỗ trợ HĐQT trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 48/24/BVBank/TT-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua định hướng hoạt động và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Ngân hàng TMCP Bản Việt

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Với nhận định năm 2024 được dự báo là một năm khó khăn, nền kinh tế tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Thị trường tài chính chịu những ảnh hưởng tiêu cực do thị trường bất động sản suy giảm, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và cá nhân tiếp tục suy giảm do lực cầu thị trường suy giảm.

Trong các năm qua, Ngân hàng Bản Việt đã chủ động bám sát tình hình thực tế, phân tích kỹ lưỡng các kịch bản tài chính; đồng thời theo dõi sát sao các chỉ đạo, hướng dẫn, chính sách của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước nhằm lập kế hoạch kinh doanh phát triển, định hướng điều hành linh hoạt, góp phần phục hồi nền kinh tế vĩ mô. Năm 2024, HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện theo định hướng thận trọng và tăng trưởng có chọn lọc, cụ thể như sau:

1.1. Định hướng chung:

- Thúc đẩy tăng trưởng kết hợp việc giám sát chặt chẽ chất lượng tín dụng, đẩy mạnh các khoản cho vay quy mô nhỏ và tín dụng tiêu dùng qua kênh ngân hàng số.
- Tiếp tục thúc đẩy việc xử lý nợ và kiểm soát nợ xấu theo hướng hiện đại hóa các giải pháp quản lý và thu hồi nợ để tăng năng suất.
- Tăng cường vai trò và phát triển các giải pháp phân tích tài chính và mô hình kinh doanh hiện đại trong công tác quản trị điều hành.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh theo hướng thận trọng và cân đối; ưu tiên việc mở các chi nhánh mới, chỉ mở các phòng giao dịch tại các địa bàn thật cần thiết.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình theo hướng đẩy mạnh việc chuyên môn hóa một cách sâu rộng kết hợp công tác đào tạo để tăng cường chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

1.2. Định hướng cụ thể

a. Trong hoạt động tín dụng

Cải thiện năng lực bán hàng, tập trung tăng trưởng tín dụng sớm, tiếp tục xây dựng và phát triển nhiều sản phẩm tín dụng theo các phân khúc khách hàng khác nhau; chú trọng vào nhóm Khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân sản xuất kinh doanh nhỏ và nhóm khách hàng cá nhân tiêu dùng qua kênh ngân hàng số; hạn chế các khoản vay xa địa bàn để việc thẩm định và quản lý khách hàng được chủ động.

Đối với khoản cho vay nhóm Khách hàng quy mô lớn: cho vay có chọn lọc và thận trọng, ưu tiên các khoản cho vay hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo định hướng của NHNN và Chính phủ, chấp nhận canh tranh lãi suất phù hợp với nguồn lực hiện có kết hợp việc chọn lọc và chủ

động tiếp cận các đối tác của khách hàng để mở rộng quy mô số lượng khách hàng, đẩy mạnh việc bán chéo, nâng cao hiệu quả khai thác khách hàng.

Nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng theo hướng cải thiện chất lượng dịch vụ, cải tiến quy trình, đẩy mạnh việc chọn lọc, đào tạo nhân sự chất lượng, giảm thời gian thẩm định và phê duyệt cho vay. Hoàn thiện mô hình chấm điểm và giám sát tín dụng, từng bước nâng tỷ trọng tín dụng tiêu dùng qua kênh ngân hàng số và thẻ tín dụng một cách an toàn và hiệu quả.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động giám sát tín dụng, giám sát tuân thủ theo hướng thực chất có trọng tâm, tăng cường việc trao đổi thông tin và phối hợp giữa các phòng ban hội sở và đơn vị kinh doanh để quản lý rủi ro một cách hiệu quả.

b. Trong hoạt động huy động vốn:

Tiếp tục giảm tỷ trọng nhóm khách hàng lớn và siêu lớn, từng bước nâng cao tỷ trọng kênh huy động quy mô nhỏ thông qua kênh ngân hàng số.

Đầu tư hệ thống giao dịch, các sản phẩm thanh toán và cải thiện chất lượng dịch vụ để tăng tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn.

c. Hoạt động xử lý nợ:

Ưu tiên tập trung nguồn lực cho hoạt động xử lý nợ trong năm 2024, phân chia các nhóm nợ theo tiêu chí phù hợp để chuyên môn hóa công tác theo dõi và tăng tốc độ xử lý nợ.

Triển khai các giải pháp công nghệ theo dõi kết hợp cơ chế phân quyền hợp lí để xử lý nợ các khoản nợ nhỏ lẻ phù hợp.

d. Ngân hàng số và Công nghệ thông tin:

Thường xuyên rà soát và có chiến lược phát triển ngân hàng số phù hợp từng giai đoạn xu hướng tiêu dùng và thị hiếu của Khách hàng.

Tiếp tục mở rộng các kênh hợp tác với đối tác Fintech để mở rộng quy mô khách hàng và nền tảng dữ liệu để khai thác hiệu quả.

e. Nâng cao vai trò quản lý và phân tích tài chính

Trong năm 2024, BVBank tiếp tục bám sát diễn biến tình hình thị trường, đặc biệt là các biến động lãi suất và lạm phát sẽ được tăng cường nhằm đảm bảo có các phản ứng lãi suất và quy mô phù hợp, vừa đảm bảo nguồn thu, mức độ cạnh tranh phù hợp vừa hỗ trợ khách hàng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng nâng cấp hoạt động để phát huy hiệu quả hơn vai trò của phân tích tài chính kinh doanh thông qua các công cụ và mô hình quản lý, phân tích doanh thu, chi phí và lợi nhuận hiện đại nhằm đảm bảo có các định hướng tài chính một cách linh hoạt và phù hợp, quản lý chi phí hiệu quả, mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông.

f. Hoạt động mở rộng mạng lưới

Tính đến cuối năm 2023, quy mô mạng lưới các chi nhánh/phòng giao dịch của Ngân hàng đã tương đối ổn định, phù hợp với quy mô của Ngân hàng với 116 điểm giao dịch. Trong năm 2024, BVBank tiếp tục mở mới thêm 10 điểm giao dịch theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua và được NHNN phê duyệt, nâng tổng số điểm giao dịch dự kiến lên 126, đảm bảo

việc phủ khắp các tỉnh thành và vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước. Vì vậy, tại kỳ họp lần này, HĐQT định hướng không trình ĐHĐCĐ mở rộng thêm mạng lưới để tập trung triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động.

g. Nâng cao chất lượng dịch vụ

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, thường xuyên rà soát và tối ưu quy trình, đồng thời xây dựng các cơ chế quản lý và khuyến khích phù hợp để nâng cao năng lực bán hàng.

Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng nhân sự theo hướng chuyên môn sâu thông qua các chương trình nâng cao năng lực cốt lõi, xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo hướng cầu thị, nâng cao tính chuyên nghiệp, tinh thần phối hợp vì mục tiêu chung. Từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm cho khách hàng và khả năng cạnh tranh của BVBank.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2024

Với các định hướng hoạt động nêu trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch tài chính năm 2024 của Ngân hàng TMCP Bản Việt như sau:

ĐVT: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Tổng tài sản	100.000	87.884	14%
2	Huy động khách hàng	74.086	67.162	10%
3	Dư nợ cấp tín dụng	65.937	57.768	14%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	200	72	179%
5	Tỷ lệ nợ xấu	<3%	2,79%	
6	Số lượng đơn vị kinh doanh	126	116	9%

Nhằm tạo điều kiện linh hoạt cho HĐQT trong công tác quản trị Ngân hàng để phù hợp với biến động thị trường, mang lại lợi ích tối đa cho Quý cổ đông, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Bản Việt.

HĐQT chân thành cảm ơn sự ủng hộ và tin tưởng của Quý cổ đông và các cơ quan quản lý Nhà Nước đối với hoạt động của Ngân hàng Bản Việt nói chung và hoạt động của HĐQT nói riêng trong thời gian qua.

Kính mong Quý vị sẽ tiếp tục gắn bó và hỗ trợ HĐQT trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 876/24/BVBank/BC-TC

Giấy phép thành lập số: 0025/NH-GP do NHNN cấp ngày 22/08/1992
Giấy ĐKKD số: 0301378892 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp lần đầu ngày 16/10/1992.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG (NĂM TÀI CHÍNH 2023)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

Ban Điều Hành Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch thực hiện các định hướng kinh doanh năm 2024. Nội dung báo cáo gồm:

- Phần I: Kết quả thực hiện chỉ tiêu trọng yếu năm 2023
- Phần II: Hoạt động kinh doanh năm 2023
- Phần III: Hoạt động hỗ trợ kinh doanh 2023
- Phần IV: Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TRỌNG YẾU NĂM 2023

Năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức với nhiều diễn biến khó lường và ẩn chứa nhiều bất ổn. Điều này đã ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Với định hướng "thận trọng và tăng trưởng có chọn lọc", BVBank đã ghi nhận một số kết quả tích cực. Cụ thể:

- Tổng tài sản đạt 87.884 tỷ, tăng 11% so với năm trước.
- Huy động vốn đạt 67.162 tỷ, tăng 13% so với năm trước.
- Tổng dư nợ cấp tín dụng đạt 57.768 tỷ, tăng 14% so với năm trước.

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

ĐVT: Tỷ đồng, số lần

Các chỉ tiêu trong 5 năm	2023	2022	2021	2020	2019	23/19
Tổng Tài sản	87.884	79.067	76.511	61.102	51.905	1,7
Huy động khách hàng	67.162	59.614	55.822	46.596	37.802	1,8
Dư nợ cấp tín dụng	57.768	50.859	46.409	40.121	34.474	1,7
Lợi nhuận trước thuế	72	456	311	201	158	0,5
Tỷ lệ nợ xấu (Thông tư 11)	2,79%	2,41%	2,11%	2,29%	2,03%	
PTML (số lượng ĐVKD)	116	108	88	87	70	1,7

Lợi nhuận trước thuế đạt 72 tỷ, hoàn thành 55% kế hoạch và giảm 84% so với năm trước, trong đó:

- Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 1.755 tỷ, giảm 8% so với năm trước. Thu nhập thuần từ lãi giảm 14% do hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và cá nhân gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó BVBank thực hiện các chủ trương của NHNN về việc chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua đẩy mạnh ưu đãi về lãi suất và thực hiện các chính sách giảm lãi dẫn đến thu hẹp thu nhập lãi. Thu từ hoạt động dịch vụ giảm 45% so với năm trước chủ yếu đến từ nguồn thu bảo hiểm liên kết do trải qua giai đoạn tái cơ cấu. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh trong năm vẫn có những điểm sáng tích cực từ lãi mua bán chứng khoán đạt 122 tỷ nhờ doanh số mua bán trái phiếu tăng gần gấp đôi.
- Tổng chi phí hoạt động tăng 14% so với năm 2022 chủ yếu do chi phí đầu tư vào mở rộng mạng lưới với số lượng đơn vị kinh doanh tăng gần 50% so với 5 năm trước đó nhằm tăng hiện diện tại các địa bàn để thúc đẩy kinh doanh bán lẻ. Bên cạnh đó, năm 2023, BVBank đánh dấu bước chuyển mình với việc thay đổi nhận diện thương hiệu trên 31 tỉnh thành và song song với đẩy mạnh đầu tư vào chuyển đổi số, gia tăng trải nghiệm khách hàng qua ngân hàng số Digimi, ra mắt ngân hàng số cho doanh nghiệp Digibiz với hàng loạt các tính năng mới khiến chi phí tăng cao.
- Chi phí dự phòng rủi ro tăng 23% so với năm 2022 từ việc BVBank chủ động trích lập dự phòng nhằm nâng cao chất lượng tài sản cũng như tạo mức đệm dự phòng vững chắc.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2023	KH2023	2022	23/KH	23/22
Tổng thu nhập hoạt động	1.755	1.820	1.917	96%	92%
Tổng Chi phí hoạt động	(1.407)	(1.410)	(1.237)	100%	114%
Lợi nhuận trước DPRR	348	410	680	85%	51%
Chi phí DPRR	(277)	(280)	(224)	99%	123%
Lợi nhuận trước thuế	72	130	456	55%	16%
CIR	80,2%	77,5%	64,5%		

II. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Năm 2023 trong bối cảnh thị trường nói chung và ngành ngân hàng nói riêng gặp nhiều thách thức, BVBank đã luôn bám sát định hướng và chỉ đạo của NHNN, triển khai những chính sách linh hoạt.

Số lượng khách hàng năm 2023 tiếp tục có sự tăng trưởng nhanh nhờ kết quả của quá trình chuyển đổi số:

- KHCN đạt hơn 1,7 triệu khách hàng, tăng 34% với phần đóng góp chủ lực từ các kênh số;
- KHDN hơn 15.500 khách hàng, tăng 25% so với năm trước.

1. Hoạt động huy động vốn từ TCKT & Dân cư

Huy động đạt gần 67.200 tỷ, tăng trưởng 13% so với 2022. Lãi suất huy động liên tục được ngân hàng điều chỉnh giảm theo lãi suất thị trường và cân đối vốn trong từng thời kỳ. Theo đó, lãi suất huy động toàn ngân hàng thời điểm cuối năm giảm 1,08% so với năm trước.

Xét theo phân nhóm khách hàng:

- Huy động vốn từ KHCN đạt gần 53.300 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022. Ngân hàng chủ động điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi để giảm chi phí đầu vào, dịch chuyển tiền gửi theo phân khúc khách hàng nhỏ lẻ để tăng trưởng bền vững. Việc phát triển nhanh mạng lưới các điểm giao dịch mới những năm gần đây góp phần tăng trưởng huy động vốn từ dân cư.
- Trong bối cảnh thị trường có sự biến động khá nhanh về lãi suất (tăng trong 6 tháng đầu năm và giảm trong 6 tháng cuối năm), trong năm 2023, KHDN đã 15 lần điều chỉnh lãi suất, dịch chuyển các khoản có kỳ hạn dài và lãi suất cao sang kỳ hạn ngắn và lãi suất thấp hơn, linh hoạt điều chỉnh huy động từ các khách hàng lớn phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín

dụng. Đồng thời, cũng triển khai các chương trình thúc đẩy tăng trưởng huy động không kỳ hạn để cải thiện chi phí đầu vào và cải thiện hiệu quả hoạt động. Theo đó, số dư huy động của KHDN cuối năm đạt 13.900 tỷ, chiếm hơn 20% tổng huy động từ khách hàng. So với năm 2022, cơ cấu kỳ hạn huy động cũng có sự chuyển dịch từ kỳ hạn trên 12 tháng sang kỳ hạn dưới 12 tháng.

2. Hoạt động cho vay với TCKT & Dân cư

Dư nợ cấp tín dụng tăng 13,6% so với năm 2022, đạt mức gần 57.800 tỷ. Trong 6 tháng đầu đầu năm 2023, với bối cảnh nhiều ngành nghề kinh doanh suy giảm đã khiến nhu cầu vay vốn của người dân, doanh nghiệp xuống thấp. Tuy nhiên, trong giai đoạn cuối năm 2023, với nỗ lực tiếp cận khách hàng có nhu cầu về vốn, đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng thanh khoản nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng được giao, tăng trưởng tín dụng có sự cải thiện đáng kể. Lãi suất cho vay các tháng đầu năm khá cao tuy nhiên dần hạ nhiệt vào các tháng cuối năm. Theo đó, lãi suất cho vay toàn hàng cuối năm 2023 tăng nhẹ 0,32% so với năm trước.

a. Cho vay với KHCN:

- Quy mô đạt hơn 40.800 tỷ, tăng 29% so với năm trước. Tín dụng khách hàng cá nhân bám sát định hướng phát triển theo phân khúc nhỏ lẻ và tập trung các sản phẩm đặc thù theo địa phương. Trong bối cảnh chất lượng nợ thị trường cuối năm 2023 liên tục suy giảm nhưng dư nợ khách hàng cá nhân vẫn tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ và không có sự biến động lớn so với năm 2022. Ngoài ra, nhiều chính sách hỗ trợ khách hàng cá nhân gặp khó khăn đã được triển khai rộng rãi. Việc triển khai nhanh chóng và ứng phó linh hoạt các biện pháp đồng hành, hỗ trợ khách hàng bước đầu đã cho thấy hiệu quả, giúp nhiều khách hàng vượt qua khó khăn phục hồi sản xuất kinh doanh và tiếp tục gắn bó với Ngân hàng.

b. Cho vay với KHDN:

- Trong bối cảnh môi trường kinh doanh năm 2023 không có nhiều thuận lợi, bám sát theo sự điều hành của Ban Tổng Giám Đốc, KHDN đã sớm triển khai thực hiện nhiều giải pháp để hỗ trợ, đồng hành nhằm tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động kinh doanh của khách hàng.
- Nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, KHDN đã ban hành một số sản phẩm tín dụng mới theo định hướng phù hợp với từng tiểu phân khúc/nhóm khách hàng nhằm tối ưu hóa vận hành và nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đồng thời, triển khai các chương trình

thúc đẩy kinh doanh phù hợp với diễn biến của thị trường nhằm giữ chân khách hàng hiện hữu và phát triển khách hàng mới.

- Bên cạnh các giải pháp về thúc đẩy kinh doanh, KHDN cũng thực thi các giải pháp linh hoạt để đồng hành cùng khách hàng gặp khó khăn tạm thời, thường xuyên rà soát danh mục khách hàng để tối ưu hóa hiệu quả và hạn chế sự suy giảm về chất lượng tín dụng.
- Với các các giải pháp linh hoạt được triển khai, dư nợ cho vay KHDN năm 2023 đạt 16.900 tỷ. Trong đó, Phân khúc khách hàng lớn (CIB) chiếm tỷ trọng 20%; phân khúc khách hàng vừa, nhỏ (SME) và siêu nhỏ (MSME) chiếm tỷ trọng 80%, quy mô phân khúc MSME tăng 8% so với cuối năm 2022.

3. Ngân hàng số

Trong năm 2023, đối tượng khách hàng mới trên kênh số của BVBank ghi nhận tăng trưởng cao, kênh digimi tăng mới hơn 100% số lượng khách hàng (đạt hơn 400.000 khách hàng), kênh Timo tăng mới gần 25% số lượng khách hàng, đạt gần 700.000 khách hàng.

Ngân hàng số digimi ra mắt nhiều tính năng mới như: tài khoản số đẹp, mua vé máy bay, Top-up data, Bảo hiểm xe cơ giới và Thanh toán QR xuyên biên giới. Trong năm 2023, BVBank ra mắt ngân hàng di động cho doanh nghiệp digibiz với đầy đủ các tính năng từ thanh toán, chuyển tiền, tiết kiệm, quản lý khoản vay và duyệt giao dịch. Ngân hàng số Timo cũng tạo được dấu ấn trên thị trường với sản phẩm hũ chi tiêu giúp khách hàng quản lý tài chính cá nhân hiệu quả hơn.

Huy động Online trên các kênh số của BVBank tăng 60% so với năm 2022, đạt 8.000 tỷ đồng.

Đối với mảng thanh toán số qua Kênh đối tác, dịch vụ chi hộ tăng gấp đôi so với năm 2022, đạt hơn 8 triệu giao dịch/tháng. Dịch vụ thu hộ tăng 3,5 lần so với năm 2022, đạt 2 triệu giao dịch/tháng, hiện diện tại hơn 50.000 điểm chấp nhận thanh toán với nhiều đối tác lớn như Momo, ZaloPay, FinViet, GalaxyPay…

Năm 2023, BVBank cũng có bước tiến vượt bậc trong việc phát hành Thẻ tín dụng trên kênh số với sản phẩm Thẻ đổi Thẻ trên digimi và sản phẩm Thẻ hợp tác kinh doanh với đối tác Momo. Tổng số lượng Thẻ phát hành Online trong năm 2023 đạt gần 50.000 Thẻ, tăng hơn 200% so với năm 2022. Dư nợ Thẻ tín dụng phát hành Online cũng gần 800 tỷ đồng, tăng gần 300% so với năm 2022.

III. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ KINH DOANH NĂM 2023

1. Quản Lý Rủi Ro (QLRR)

Năm 2023 tiếp tục là một năm nhiều biến động, BVBank tiếp tục thực hiện quản lý rủi ro phù hợp bối cảnh bằng cách áp dụng hàng loạt các chính sách kiểm soát tín dụng; triển khai hệ thống giám sát, thu hồi nợ hiện đại hơn; triển khai mô hình Kiểm soát tuân thủ theo Basel 2, đưa các dữ liệu lên điện toán đám mây để thực hiện báo cáo; nâng cấp hệ thống phòng chống rửa tiền, hệ thống cảnh báo để đảm bảo chỉ số an toàn và thanh khoản...

Tiếp tục hiện đại hóa QLRR hiện đại theo chuẩn mực quốc tế, BVBank cũng đã xây dựng Khung QLRR về ngân hàng số, triển khai và đưa vào áp dụng chỉ tiêu RAROC trong hoạt động kinh doanh, triển khai và đưa vào thử nghiệm dự án IFRS9 để hỗ trợ đo lường, ra quyết định kinh doanh dựa trên cơ sở rủi ro và dự báo rủi ro.

Công tác xử lý nợ năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn do thị trường bất động tiếp tục suy giảm mạnh về thanh khoản. Tuy nhiên, BVBank cũng đã cố gắng đẩy mạnh hiệu quả hoạt động xử lý, thu hồi nợ. Trong năm 2023, BVBank đã xử lý, thu nợ Nhóm 2 đạt 167% trên nợ phát sinh, thu nợ xấu chỉ đạt 64% trên nợ xấu phát sinh và kéo tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ so với năm 2022 từ 2,41% lên 2,79% (theo thông tư 11, bao gồm nợ Thị trường 1 + Thị trường 2).

Cùng với tỷ trọng tài sản chiếm tỷ trọng lớn ở bất động sản, tỷ lệ dư nợ trên giá trị tài sản bảo đảm cũng có sự phân bổ đặc thù theo tính chất của từng nhóm khách hàng, sản phẩm vay và tỷ lệ cho vay trên tài sản đảm bảo (LTV), cụ thể:

Thời điểm: 31/12/2023, %

Loại hình KH	LTV trung bình
Cá nhân	58%
Doanh nghiệp	59%
Toàn hàng	**58%**

Về công tác đảm bảo các chỉ số an toàn, trong năm 2023, toàn bộ chỉ số an toàn của BVBank thực hiện đúng theo quy định ngân hàng nhà nước. Cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về vốn				
Vốn điều lệ	5.017	3.671	3.671	3.171
Vốn tự có	7.697	7.803	6.833	4.726
Tỷ lệ an toàn vốn	11,33%	13,15%	10,86%	9,27%
2. Chất lượng tài sản				
Tỷ lệ nợ quá hạn	4,91%	4,67%	3,25%	3,05%
Tỷ lệ nợ xấu	2,79%	2,41%	2,11%	2,29%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	94,51%	94,55%	95,19%	92,90%
3. Khả năng thanh khoản				
Tỷ lệ Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	15,20%	13,76%	11,10%	13,04%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	19,96%	16,58%	22,10%	21,00%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	72,78%	74,14%	77,30%	71,80%

2. Vận Hành

Là một trong những trụ cột quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, nên trong năm 2023, công tác vận hành tiếp tục được quan tâm và đầu tư đúng mức trong việc cải tiến, số hóa các quy trình, quy định nhằm rút ngắn thời gian phục vụ và tăng trải nghiệm cho khách hàng, cũng như thực hiện tốt chức năng kiểm soát và giám sát tín dụng để nhận diện, cảnh báo kịp thời nhiều rủi ro cho Ngân hàng.

Song song đó, chất lượng dịch vụ cũng tiếp tục được nâng tầm thông qua việc đào tạo, huấn luyện theo chiều sâu cũng như giám sát chấn chỉnh hàng ngày, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững và xây dựng được niềm tin với khách hàng mang đến một hành trình trải nghiệm dịch vụ đồng nhất từ kênh truyền thống đến kênh số.

3. Công tác phát triển, quản lý nhân sự và đào tạo

Số lượng nhân viên trên toàn hệ thống đạt 2.557 người vào thời điểm cuối 2023, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong năm 2023, số lượng nhân sự tuyển dụng và bổ nhiệm nội bộ là 845 người, trong đó, số lượng nhân sự tuyển dụng cho các đơn vị phát triển mạng lưới chiếm 3%, 30% nhân sự tuyển mới và tuyển thay thế NLĐ nghỉ việc.

Ngân hàng triển khai các công tác nhân sự - đào tạo theo hướng linh hoạt – kịp thời – tăng cường trải nghiệm, hướng đến các giá trị cốt lõi tin cậy – gắn kết – sáng tạo của người BVBank. Cụ thể:

- Công tác tuyển dụng, bố trí nhân sự đáp ứng kịp thời nhu cầu cho hoạt động vận hành và phát triển kinh doanh, mở rộng mạng lưới. Toàn bộ các quy trình quản lý nhân sự được chuẩn hóa và số hóa nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, tăng tính kịp thời trong việc đưa ra quyết định.
- Cơ chế lương, thưởng tiếp tục được hoàn thiện, tăng tính cạnh tranh trên thị trường và theo định hướng gắn liền với phạm vi trách nhiệm công việc, năng lực cá nhân và hiệu quả công việc của người lao động. Cơ chế thu nhập, thưởng kinh doanh theo KPIs được áp dụng linh hoạt từ Hội sở đến ĐVKD: cơ chế cho đội ngũ sales, thu hồi nợ, thẩm định tín dụng, … tiếp tục được triển khai và điều chỉnh cùng với các chương trình thưởng thi đua thường xuyên khác để nâng cao năng suất lao động.
- Bổ sung chế độ phúc lợi đổi mới với chính sách du lịch nước ngoài dành cho nhân sự quản lý ĐVKD đạt chỉ tiêu, chương trình mang lại hiệu quả và tính kết nối cao, góp phần thu hút và giữ chân nhân sự.
- Các cơ chế, quy định nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro, chất lượng nhân sự được xây dựng và thực hiện. Ngân hàng đã ban hành cơ chế áp dụng điểm trừ vi phạm tuân thủ và các hình thức xử lý trong đánh giá người lao động, các đơn vị nghiệp vụ đã phối hợp xử lý 54 trường hợp người lao động vi phạm, trong đó xử lý kỷ luật đối với 11 trường hợp, các trường hợp khác cũng đã ban hành những văn bản nhắc nhở, đồng thời tăng cường cảnh báo đến các Đơn vị trên toàn hệ thống.
- Các chương trình quy hoạch và phát triển tiềm năng được tiếp tục triển khai, nhằm giữ chân nhân sự/tạo nguồn nhân sự được đào tạo và có đủ năng lực để đáp ứng nhu cầu phát triển của BVBank.

- Công tác đào tạo: Trong hoạt động đào tạo, BVBank đã tổ chức 260 khóa học dành cho CBNV toàn hàng. Đồng thời, BVBank cũng xây dựng hệ thống tự học trực tuyến mới "Đào tạo và phát triển năng lực" với nhiều tính năng vượt trội nhằm gia tăng trải nghiệm học tập của người lao động và quản trị công tác đào tạo từ đó nâng cao năng suất người lao động, tiết kiệm nguồn lực triển khai vận hành.

4. Công tác tài chính, kế toán

Diễn biến thị trường 2023 có khá nhiều điểm đặc biệt trên thị trường huy động vốn và tín dụng, đòi hỏi công tác hỗ trợ quản lý Tài sản có - Tài sản nợ phải hết sức sâu sát và bám sát thị trường để đảm bảo an toàn hệ thống và hiệu quả tài chính đặt ra. Mặt khác, quá trình dự báo tăng trưởng, kiểm soát chặt chẽ chi phí và theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch trong toàn Ngân hàng năm qua phải rất linh hoạt. Về cơ bản công tác Tài chính - kế toán đã đáp ứng được những yêu cầu này.

Bên cạnh đó, các công tác khác đã được triển khai hiệu quả bao gồm:

- Thực hiện lập BCTC theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS;
- Phối hợp với đối tác triển khai giai đoạn 4 của phần mềm E-office: nâng cấp, hoàn thiện các tính năng của giai đoạn 3;
- Triển khai phần mềm lưu trữ và xử lý hóa đơn đầu vào nhằm tự động hóa việc kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp hóa đơn đầu vào và tính trạng hoạt động của doanh nghiệp.
- Hoàn thành dự án tối ưu hóa chi phí về phương pháp luận & xây dựng hạn mức, định mức chi phí trong năm 2023.

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Dự báo năm 2024, nền kinh tế còn rất nhiều khó khăn, trong đó có những yếu tố từ bên ngoài và những yếu tố nội tại của Việt Nam. Ngành ngân hàng nói chung và BVBank nói riêng sẽ phải đối diện với những thách thức lớn như chất lượng tín dụng suy giảm, tăng trưởng tín dụng khó khăn trong khi cầu tín dụng yếu, mặt bằng lãi suất giảm. Do đó, về định hướng chung, Ban điều hành Ngân hàng nhận thấy cần đặc biệt thận trọng trong 6 tháng đầu năm, bám sát diễn biến thị trường để có những chính sách ứng phó linh hoạt.

Các chỉ tiêu kinh doanh chính năm 2024

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2024	2023	%
Tổng Tài sản	100.000	87.884	14%
Huy động khách hàng	74.086	67.162	10%
Dư nợ cấp tín dụng	65.937	57.768	14%
Lợi nhuận trước thuế	200	72	179%
Tỷ lệ nợ xấu (Thông tư 11)	< 3%	2,79%	
Số lượng ĐVKD	126	116	9%

Trên đây là báo báo tổng quan, tóm tắt tình hình kinh doanh năm tài chính 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT. BKS;
- Lưu VP HĐQT. P.TC.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0301378892 - C.T.C.P * NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGÔ QUANG TRUNG

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 15/24/BVBank/BC-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Ban kiểm soát kính báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") Ngân hàng TMCP Bản Việt ("BVBank") kết quả hoạt động của Ban kiểm soát ("BKS") năm 2023 gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả kinh doanh

Một số chỉ tiêu chính trên Báo cáo tài chính năm 2023 của BVBank như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành
Tổng tài sản	87.884	86.600	101%
Huy động	67.162	69.000	97%
Dư nợ cấp tín dụng	57.768	56.963	101%
Lợi nhuận trước thuế	**72**	**130**	**55%**

2. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT") và Tổng Giám đốc ("TGĐ")

- Năm 2023, nền kinh tế toàn cầu vẫn chịu tác động kéo dài của đại dịch Covid-19, chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát, xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản... Trong nước, tình hình kinh tế nhiều khó khăn và biến động, lãi suất huy động liên tục giảm nhưng tín dụng lại tăng chậm...Vì vậy để hoạt động của BVBank được duy trì ổn định và an toàn, HĐQT và TGĐ đã triển khai và thực hiện công tác quản trị và điều hành với các giải pháp linh hoạt phù hợp với thực tế và định hướng hoạt động của BVBank.
- Với chiến lược kinh doanh trở thành "Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại", BVBank đã thay đổi bộ nhận diện thương hiệu để trở thành Ngân hàng dễ tiếp cận, thuận lợi hơn trong cách gọi, dễ nhận biết và gợi nhớ hơn cùng với đó việc mở mới các điểm kinh doanh nâng tổng số chi nhánh, phòng giao dịch lên 116 điểm tại 31 tỉnh thành đã đưa BVBank đến gần khách hàng hơn. BVBank cũng đã thực hiện nhiều biện pháp để hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai việc cơ cấu nợ, miễn giảm lãi theo thông tư 02 và các hướng dẫn khác của NHNN. Trong bối cảnh xu hướng chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, BVBank khuyến khích khách hàng mở tài khoản trực tuyến (eKYC), mở thẻ tín dụng online, thanh toán không dùng tiền mặt ... và triển khai hệ thống ngân hàng tự động CDM Digimi+ với hơn 30 điểm phủ khắp các tỉnh thành trong cả nước vì vậy khách hàng có thể nộp, rút tiền mặt, mở thẻ lấy liền 24/7.

3. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát ("BKS")

Năm 2023, BKS đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của BVBank, Quy chế hoạt động của BKS như sau:

a) Công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của phòng Kiểm toán nội bộ ("KTNB")

- BKS giám sát và chỉ đạo phòng KTNB thực hiện kế hoạch kiểm toán năm định hướng theo rủi ro và theo chỉ đạo của NHNN. Kết quả các kiến nghị và cảnh báo rủi ro được nêu trong các Báo cáo kiểm toán đều được gởi cho HĐQT và TGĐ, qua đó HĐQT đã chỉ đạo TGĐ thực hiện các giải pháp, đưa ra hướng xử lý để nâng cao hiệu quả kiểm soát và quản lý rủi ro tại các đơn vị kinh doanh, các mảng nghiệp vụ cũng như trong các quy trình, quy định, chính sách và sản phẩm của BVBank.
- Năm 2023, phòng KTNB đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm gồm kiểm toán 04 chuyên đề, kiểm toán toàn diện hoạt động kinh doanh của 21 đơn vị, thực hiện báo cáo giám sát từ xa hàng quý qua phân tích số liệu toàn hệ thống. Công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, quy định, sản phẩm, nghiệp vụ được thực hiện xuyên suốt trong quá trình kiểm toán tại các đơn vị kinh doanh. Ngoài ra, Phòng KTNB đã thực hiện kiểm toán ngoài kế hoạch 03 báo cáo theo chỉ đạo của NHNN và thực hiện các công việc khác theo quy định.

b) Đánh giá tính tuân thủ các quy định pháp luật

- *Trong công tác ban hành văn bản:* BVBank thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật, rà soát các văn bản nội bộ để kịp thời ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung cho phù hợp thực tế và đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN và các quy định pháp luật khác có liên quan. Ngoài ra, BVBank cũng truyền thông và có hướng dẫn những nội dung quan trọng trong các văn bản mới ban hành để nhân viên cập nhật kịp thời, nắm bắt đầy đủ và thực hiện đúng quy định.
- *Trong công tác quản lý rủi ro:* BVBank đã ban hành và triển khai đầy đủ các quy định khung về quản lý rủi ro theo thông tư 13, áp dụng việc tính toán tỷ lệ an toàn vốn theo thông tư 41. Năm 2023, các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động được BVBank kiểm soát chặt chẽ và tuân thủ đúng quy định.
- *Trong công tác phòng chống rửa tiền ("PCRT"):* BVBank đã xây dựng phần mềm PCRT, do đó các giao dịch đáng ngờ, các danh sách đen (nếu có) đều được thống kê và cảnh báo. Các Tiểu ban PCRT được thành lập tại mỗi Cụm chi nhánh và công tác đào tạo PCRT cho nhân viên cũng được BVBank chú trọng nhằm ngăn chặn, phát hiện, cảnh báo kịp thời các tội phạm trong lĩnh vực PCRT.

c) Kết quả giám sát việc tuân thủ quy định nội bộ:

Qua công tác giám sát số liệu trên phần mềm nghiệp vụ hệ thống và kiểm toán trực tiếp tại các đơn vị kinh doanh năm 2023, đa số các đơn vị đều tuân thủ các quy định, quy trình, chính sách, sản phẩm nội bộ tuy nhiên trong quá trình hoạt động kinh doanh vẫn không tránh khỏi những sai sót, sai phạm chủ yếu ở các mảng nghiệp vụ chính sau:

❖ *Mảng phi tín dụng:*

- BVBank đã ban hành các quy định, quy trình nội bộ về hoạt động mở và sử dụng tài khoản thanh toán phù hợp với các quy định của NHNN, tuy nhiên qua kiểm toán vẫn còn tồn tại một số trường hợp thông tin khách hàng chưa được cập nhật kịp thời nhưng so với năm 2022 thì tình trạng này đã được khắc phục đáng kể.
- Sai sót khác đã xảy ra tại một số đơn vị kinh doanh như không thu hồi giá trị quà tặng khách hàng tham gia chương trình khuyến mãi khi khách hàng tất toán trước hạn tiền gửi tiết kiệm; thu phí thiếu so với biểu phí ban hành từng thời kỳ như phí mở tài khoản số đẹp, phí đóng tài khoản, phí chuyển tiền ngoài hệ thống, ...

Mảng thẻ tín dụng:

Tại một số ĐVKD vẫn còn sai sót về điều kiện cấp thẻ tín dụng cho khách hàng, cấp vượt hạn mức cho phép, phê duyệt sai chính sách phát hành thẻ...Ngoài ra, công tác vận hành trong việc phát hành thẻ tại một số đơn vị còn tồn đọng một số vấn đề như thu thập các thông tin liên quan đến hồ sơ phát hành thẻ sai/chưa đầy đủ, chưa cập nhật chữ ký mẫu của khách hàng trên hệ thống. Công tác giám sát nợ sau khi phát hành thẻ vẫn còn sai sót trong việc thực hiện theo dõi/thông báo nhắc nợ đối với các khách hàng phát sinh quá hạn.

Mảng tín dụng :

- Một số Trưởng các ĐVKD chưa được chú trọng công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng vốn, định giá lại tài sản bảo đảm và kiểm soát sau vay định kỳ theo quy định.
- Công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ tín dụng được quan tâm và thực hiện đúng quy định nội bộ của BVBank. Việc kiểm soát hồ sơ trước giải ngân đã được thực hiện tốt tuy nhiên vẫn còn một số ít trường hợp hồ sơ chứng từ giải ngân chưa bổ sung kịp thời nhưng không trọng yếu và có mức độ rủi ro thấp.
- Công tác thẩm định : Còn tồn tại một số trường hợp nội dung tờ trình thẩm định và chất lượng thẩm định của ĐVKD còn chưa đồng bộ, chưa được đánh giá chặt chẽ.
- Vẫn còn xảy ra một số trường hợp cho vay sai theo điều kiện của sản phẩm, một số chuyên viên quan hệ khách hàng chưa ý thức việc tuân thủ quy định cũng như đã bỏ qua các bước thẩm định cơ bản, đánh giá tính đúng đắn, phù hợp hồ sơ (pháp lý, tài chính, đối tượng khách hàng, mục đích vay vốn). Đối với những trường hợp này BVBank đã nghiêm túc xử lý.

d) Kết quả giám sát đối với HĐQT, TGĐ và những người điều hành khác

- Trong năm 2023, thông qua các Ủy ban, Hội đồng, các Ban do HĐQT thành lập; qua hệ thống thông tin quản lý và các báo cáo nội bộ của Ban Điều hành, BKS & KTNB; qua các phiên họp định kỳ hàng Quý theo quy định và các cuộc họp thường xuyên với Ban Điều hành, HĐQT đã có các chỉ đạo kịp thời phù hợp với định hướng hoạt động của BVBank trong từng thời kỳ.
- Ban Điều hành thực hiện công tác quản lý, điều hành thông qua cơ chế trao đổi thông tin, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống kiểm soát nội bộ, các Báo cáo nội bộ.... và theo định hướng hoạt động và chỉ đạo của HĐQT. Các quyết định, giải pháp đã được Ban Điều hành triển khai và thực hiện kịp thời và phù hợp với tình hình kinh doanh cũng như biến động của thị trường.

e) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGĐ và các cổ đông:

Năm 2023, công tác phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGĐ và các cổ đông được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của BVBank. BKS đã được cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu để thực hiện nhiệm vụ. Tất cả các Báo cáo của KTNB đều được Trưởng BKS phê duyệt và gởi cho HĐQT và TGĐ. Ngoài ra, hàng quý, Báo cáo thống kê các kiến nghị còn phải tiếp tục theo dõi khắc phục, chỉnh sửa sẽ được BKS tổng hợp và gởi HĐQT. Các kiến nghị cũng như cảnh báo rủi ro được nêu trong các Báo cáo đều được HĐQT chỉ đạo Ban TGĐ thực hiện khắc phục, chấn chỉnh và báo cáo kết quả khắc phục. Thực hiện theo chỉ đạo của HĐQT, Ban TGĐ đã triển khai và có biện pháp để xử lý các kiến nghị và cảnh báo rủi ro cũng như chỉ đạo các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị có liên quan nghiên cứu, triển khai, bổ sung hoặc điều chỉnh các quy định, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro cho BVBank. Nhờ sự phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa BKS với HĐQT và TGĐ nên việc khắc phục

các kiến nghị của KTNB đã đạt kết quả tốt hơn so với năm 2022.

f) Đánh giá giao dịch giữa BVBank với các bên liên quan:

- Giao dịch phát sinh trong năm 2023 giữa BVBank với các bên liên quan được thực hiện tuân thủ theo Điều lệ của BVBank và các quy định của pháp luật. Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Đơn vị tính : Tỷ đồng

Bên liên quan	Các giao dịch	Số tiền
Thành viên HĐQT & BKS	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	62,94
	Trả gốc và lãi tiền gửi	109,59
Thành viên Ban TGĐ & Kế toán trưởng	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	16,88
	Trả gốc & lãi tiền gửi	32,61
	Giải ngân cho vay (*)	1,28
	Trả gốc và lãi tiền vay (**)	5,88
Các bên liên quan khác	Nhận tiền gửi có kỳ hạn	362,61
	Trả gốc và lãi tiền gửi	411,98
	Giải ngân cho vay	562,72
	Trả gốc và lãi tiền vay	535,14

Ghi chú:
(*) Giải ngân cho vay 1,28 tỷ đồng của Kế toán trưởng.
(**) Trả gốc và lãi tiền vay 5,88 tỷ đồng bao gồm khoản tất toán vốn và lãi vay của kế toán trưởng 1,38 tỷ đồng và khoản tất toán vốn & lãi vay 4,5 tỷ đồng của Phó Tổng Giám đốc Phan Việt Hải ngay ngày có quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc 15/06/2023.

- **Tiền lương, thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và ban TGĐ trong năm 2023 như sau:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Tiền lương/Thù lao	Phát sinh năm 2023
- HĐQT	6,11
- BKS	1,8
- Ban TGĐ và người quản lý chủ chốt	12,11

g) Kết quả giám sát tình hình tài chính của BVBank

Qua kết quả Báo cáo thẩm định, BKS đánh giá Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2023 của BVBank đã phản ánh đầy đủ, trung thực, hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của BVBank và Công ty con, và được lập theo đúng quy định của Ngân hàng nhà nước về chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo kết quả hoạt động của các thành viên BKS

Năm 2023, BKS đã tổ chức 08 cuộc họp. Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và biểu quyết thông qua các nội dung như báo cáo về kết quả công việc đã thực hiện, kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính, các báo cáo gởi NHNN, ...và các quyết định của BKS. Các thành viên BKS đã thực hiện nhiệm vụ theo quy định, chỉ đạo và giám sát hoạt động Phòng KTNB đạt hiệu quả, hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm.

5. Báo cáo thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS

Tổng mức chi thù lao, chi phí hoạt động của BKS năm 2023 trong phạm vi ngân sách cho phép đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại nghị quyết số 01/23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023.

6. Định hướng hoạt động của BKS năm 2024:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của BKS và phương hướng hoạt động năm 2024 của BVBank, BKS xây dựng kế hoạch kiểm toán năm 2024 như sau:

- Thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của BVBank trong công tác quản trị, điều hành của HĐQT, TGĐ;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm 2024 của BVBank;
- Chỉ đạo Phòng KTNB thực hiện kế hoạch KTNB theo định hướng rủi ro; theo chỉ đạo của NHNN; theo yêu cầu của HĐQT hoặc khi có yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- Thực hiện các giải pháp như triển khai dự án phần mềm KTNB... nhằm nâng cao hiệu quả chức năng kiểm tra, giám sát và cảnh báo rủi ro;
- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu nhân sự và nâng cao năng lực của KTNB, tuyển dụng bổ sung, bổ nhiệm lãnh đạo P. KTNB nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về giám sát và kiểm soát rủi ro trong quá trình phát triển không ngừng của BVBank;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của BVBank.

7. Đề xuất và kiến nghị:

a. Đề xuất:

- Kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt chi phí hoạt động năm 2024 của BKS là 300 triệu đồng và mức thù lao của BKS năm 2024 là 2,7 tỷ đồng.
- Căn cứ vào Điều 288, Nghị định 155/2020/NĐ-CP: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, BKS kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho BKS quyết định lựa chọn 1 trong 4 đơn vị kiểm toán sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của BVBank theo danh sách dưới đây:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Công ty TNHH PWC Việt Nam	Số 29 đường Lê Duẩn, quận 1, TPHCM
2	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Tầng 18 tòa nhà Time Square, số 57-69F đường Đồng Khởi, P Bến Nghé, Quận 1, TPHCM

3	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	Số 2 đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, quận 1, TPHCM
4	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TPHCM

b. Kiến nghị:

Ban lãnh đạo BVBank cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ vay, hồ sơ mở thẻ tín dụng, hồ sơ mở tài khoản khách hàng. Chú trọng công tác giám sát sau cho vay và đánh giá lại giá trị tài sản bảo đảm định kỳ theo đúng quy định. Nâng cao công tác quản trị rủi ro, bảo mật hệ thống, đặc biệt là công tác thu hồi nợ xấu, nợ đã được xử lý rủi ro hạch toán ngoại bảng. Tiếp tục nâng cao chất lượng nhân sự qua công tác đào tạo cũng như đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị, và điều hành.

Trên đây là nội dung báo cáo của BKS kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, TGĐ*
- *Lưu BKS, VP. HĐQT.*

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 0301378... C.T.C.P. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phan Thị Hồng Lan

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 18/24/BVBank/TT-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về chi phí hoạt động và thù lao của Ban kiểm soát năm 2024

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Trong năm 2023, thù lao của BKS được ĐHĐCĐ phê duyệt là 02 tỷ đồng, thực tế sử dụng là 1,8 tỷ đồng; chi phí hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện đúng theo phê duyệt là 260 triệu đồng.

Cùng với sự phát triển của Ngân hàng về quy mô và hệ thống, công tác giám sát cũng phải được tăng cường nên Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

- Mức thù lao, phụ cấp, thưởng của Ban kiểm soát trong năm 2024 là 2,7 tỷ đồng;
- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024 là 300 triệu đồng.
- Ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của từng thành viên Ban kiểm soát và chi phí hoạt động theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024

Trân trọng kính trình Đa□i hội.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, TGĐ*
- *Lưu BKS, VP. HĐQT.*

TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Phan Thị Hồng Lan

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 17/24/BVBank/TT-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Căn cứ theo điều 288, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông tiêu chí lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng TMCP Bản Việt như sau:

- Là đơn vị kiểm toán được phép hoạt động theo pháp luật của Việt Nam; uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Là công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;

➢ Từ những tiêu chí trên Ban kiểm soát kính đề xuất 04 đơn vị kiểm toán như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Công ty TNHH PWC Việt Nam	Số 29 đường Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
2	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Tầng 18 tòa nhà Time Square, số 57-69F đường Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
3	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	Số 2 đường Hải Triều, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
4	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C	Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM

BKS kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho BKS quyết định lựa chọn 01 trong 04 tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Ngân hàng từ danh sách trên.

Trân trọng kính trình Đại hội.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP.HĐQT*

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 0301378892 C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phan Thị Hồng Lan

Số: 49/24/BVBank/TT-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm tài chính 2023 đã kiểm toán

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Luật các Tổ chức tín dụng;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm tài chính 2023 của Ngân hàng Bản Việt đã được thực hiện công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã được đăng tải trên trang thông tin điện của ngân hàng, bao gồm các nội dung:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập
2. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023
3. Báo cáo Kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023

ĐVT: Triệu VNĐ

STT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Báo cáo tài chính hợp nhất	Báo cáo tài chính riêng
1	Tổng tài sản	87.883.977	87.984.720
2	Lợi nhuận trước thuế	71.606	71.156
3	Lợi nhuận sau thuế	56.568	56.399

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP HĐQT.*

Số: 50/24/BVBank/TT-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

- *Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về Chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước;*
- *Căn cứ Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 về việc hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng. chi nhánh ngân hàng nước ngoài;*
- *Căn cứ kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Ngân hàng TMCP Bản Việt do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt*

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 dự kiến như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	**Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023**	**71.605.258.498**	
2	Thuế TNDN phải nộp	15.037.656.745	
3	**Lợi nhuận sau thuế dùng để trích quỹ**	**56.567.601.753**	
4	**Trích lập các quỹ**	**8.485.140.263**	
4.1	Quỹ dự trữ bổ sung VĐL (5%)	2.828.380.088	
	- *BVB*	*2.772.137.713*	
	- *AMC*	*56.242.375*	
4.2	Quỹ dự phòng tài chính (10%)	5.656.760.175	
	- *BVB*	*5.544.275.426*	
	- *AMC*	*112.484.749*	
5	**Lợi nhuận giữ lại năm 2023 sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định**	**48.082.461.490**	

Trên đây là phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Ngân hàng TMCP Bản Việt.

Kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP HĐQT.*

Số: 51/24/BVBank/TT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc tổng thù lao, phụ cấp chuyên trách và chi phí hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị năm 2024

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Theo Nghị quyết số 01/23/NQ-ĐHĐCĐ phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đã thông qua tổng mức thù lao, phụ cấp chuyên trách của các Thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2023 với số tiền **7.5 tỷ đồng**.

Tính đến 31/12/2023, do tình hình kinh tế và kinh doanh ngân hàng có nhiều khó khăn nên kết quả thực chi trong năm 2023 của các Thành viên Hội đồng quản trị là **6.105 triệu đồng,** cụ thể như sau:

		Năm 2023
Họ và tên	***Chức vụ***	***ĐVT: Triệu đồng***
Hội đồng Quản trị		**6.105**
Ông Lê Anh Tài	Chủ tịch	2.380
Bà Nguyễn Thanh Phượng	Phó Chủ tịch	1.936
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên (*)	-
Ông Nguyễn Nhất Nam	Thành viên	1.489
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên độc lập	300

(*) Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã nhận lương Tổng Giám đốc do đó không nhận thù lao HĐQT.

Trong năm 2024, nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị và giám sát đảm bảo hoạt động của Ngân hàng được ổn định, an toàn, trên cơ sở quy mô ngân hàng ngày càng mở rộng và phát triển, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

- Mức thù lao, phụ cấp, thưởng của Hội đồng quản trị trong năm 2024 là **9 tỷ đồng.**
- Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện tuân thủ theo Quy định nội bộ của BVBank và quy định pháp luật hiện hành.

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với từng thành viên HĐQT dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh của BVBank.

Trân trọng kính trình Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP HĐQT.*

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 52/24/BVBank/TT-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

TỜ TRÌNH

(V/v Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc Hội thông qua ngày 16/6/2010;*
- *Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;*
- *Căn cứ vào Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt,*

A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/23/NQ-ĐHĐCĐ NGÀY 26/04/2023

Nghị Quyết	Nội dung	Phương án đã phê duyệt theo Nghị quyết	Kết quả thực hiện	Ghi chú
Phương án tăng vốn theo NQ 01/22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2022	Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 15%	Tăng vốn 550.635.000.000 đồng tương đương phát hành 55.063.500 cổ phần	Tăng vốn 550.628.640.000 đồng tương đương phát hành thành công 55.062.864 cổ phần	- Vốn điều lệ trước tăng vốn: 3.670.900.000.000 đồng. - Vốn điều lệ tăng thêm:1.345.900.000.000 đồng - Vốn điều lệ sau khi hoàn tất hiện tại: 5.016.800.000.000 đồng
	Tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng theo tỷ lệ 4:1	Tăng vốn 917.725.000.000 đồng tương đương phát hành 91.772.500 cổ phần	Tăng vốn 795.271.360.000 đồng tương đương phát hành thành công 79.527.136 cổ phần	
	Tăng vốn theo chương trình lựa chọn người lao đồng ESOP	Tăng vốn 150.000.000.000 đồng tương đương phát hành 15.000.000 cổ phần	Không thực hiện	
Phương án tăng vốn theo NQ 01/23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023	Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 10%	Tăng vốn 501.680.000.000 đồng tương đương phát hành 50.168.000 cổ phần	Đang thực hiện thủ tục, trình hồ sơ gửi về NHNN phê duyệt.	- Vốn điều lệ hiện tại: 5.016.800.000.000 đồng. - Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: 501.680.000.000 đồng - Vốn điều lệ dự kiến sau khi hoàn tất: 5.518.480.000.000 đồng
	Tăng vốn theo chương trình lựa chọn người lao đồng ESOP	Tăng vốn 150.000.000.000 đồng tương đương phát hành 15.000.000 cổ phần	Không thực hiện theo chủ trương của HĐQT theo NQ số 26/24/BVBank/NQ-HĐQT ngày 20/02/2024	

Kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc tiếp tục thực hiện Phương án tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu tỷ lệ 10% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023

B. PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN NĂM 2024

1. Phương án tăng vốn:

Với mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Ngân hàng, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi hoàn thành Phương án triển khai kế hoạch tăng vốn năm 2023: **5.518.480.000.000 đồng**.
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm năm 2024: **889.810.000.000 đồng**, trong đó:

TT	Đối tượng và hình thức phát hành	Số lượng cổ phần dự kiến phát hành	Giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá
		(ĐVT: cổ phần)	*(ĐVT: VNĐ)*
1	Phát hành cổ phiếu ra công chúng (phát hành cho cổ đông hiện hữu) theo tỷ lệ 8:1 (cổ đông sở hữu 08 cổ phần sẽ nhận 01 quyền mua cổ phần)	68.981.000	689.810.000.000
2	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Ngân hàng - ESOP	20.000.000	200.000.000.000
Tổng cộng dự kiến		**88.981.000**	**889.810.000.000**

- Tổng vốn điều lệ tối đa dự kiến sau khi tăng: **6.408.290.000.000 đồng**

a. **<u>Nội dung 1:</u>** Tăng vốn điều lệ theo hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng (phát hành cho cổ đông hiện hữu) theo tỷ lệ 8:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ nhận 01 quyền và cứ 08 quyền sẽ được mua 01 cổ phần), với tổng giá trị phát hành là 689.810.000.000 đồng *(Số tiền bằng chữ: Sáu trăm tám mươi chín tỷ tám trăm mười triệu đồng chẵn.)*

- Mã cổ phiếu: BVB;
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
- Vốn điều lệ dự kiến trước khi phát hành: 5.518.840.000.000 đồng;
- Số lượng cổ phần dự kiến đang lưu hành trước khi phát hành: 551.884.000 cổ phần;
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 68.981.000 cổ phần
- Hình thức phát hành: chào bán thêm chứng khoán ra công chúng (Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền)
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).

- Phương thức phát hành:
  - Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua;
  - Tỷ lệ phát hành: 8:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông, cổ đông nắm giữ 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền và cứ 08 quyền sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm);
  - Quyền mua không được phép chuyển nhượng.
- Xử lý cổ phần lẻ phát sinh và cổ phần không được phân phối hết:
  - Đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý số cổ phiếu lẻ dôi ra do làm tròn như bên dưới;
    *Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 125 cổ phần. Số cổ phần cổ đông Nguyễn Văn A được quyền mua là 125/8*1= 15,625 cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần cổ đông Nguyễn Văn A được đăng ký mua là 15 cổ phần và 0,625 cổ phần sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý số cổ phần dôi ra do làm tròn (cổ phần lẻ) như bên dưới.*
  - Số cổ phần dôi ra do làm tròn (cổ phần lẻ) và số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết thì Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Ngân hàng có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;
  - Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số tiền dự kiến thu được sau khi phát hành: dự kiến 689.810.000.000 đồng.
- Cổ phần hiện đang bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có) vẫn được quyền mua cổ phần phát hành thêm. Cổ phần phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ phần lẻ và cổ phần không được đăng ký mua, được chào bán cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa cổ phiếu BVB tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu và/hoặc (ii) Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS): Chỉ số EPS

có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra doanh thu và lợi nhuận ngay.

- Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2024 và Quý I-II/2025. Thời gian cụ thể ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
- Phương án sử dụng vốn tăng thêm: Toàn bộ vốn tăng thêm được sử dụng như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Bổ sung vốn cho vay	689.810.000.000
TỔNG CỘNG		**689.810.000.000**

b. <u>Nội dung 2:</u> Tăng vốn điều lệ theo chương trình lựa chọn người lao động trong ngân hàng (ESOP) với tổng giá trị phát hành tối đa theo mệnh giá là 200.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng chẵn.)*

- Mã cổ phiếu: BVB;
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
- Đối tượng được chào bán: Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, Ban điều hành và các nhân sự của Ngân hàng và các công ty con của Ngân hàng theo danh sách HĐQT phê duyệt; Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định và ban hành Quy chế, tiêu chí/tiêu chuẩn, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng cán bộ công nhân viên; danh sách cán bộ công nhân viên và số lượng cổ phiếu cán bộ công nhân viên được mua theo chương trình ESOP;
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: tối đa 20.000.000 cổ phần;
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần;
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: tối đa 200.000.000.000 đồng;
- Điều kiện về hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành thêm sẽ hạn chế chuyển nhượng 01(một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành theo Khoản 8 Điều 64 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Phương án xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phân phối tiếp cho cán bộ công nhân viên khác thuộc đối tượng được chào bán theo Chương trình ESOP với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2024 và Quý I-II/2025. Thời gian cụ thể ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Toàn bộ vốn thu được từ đợt chào bán được sử dụng như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Bổ sung vốn cho vay	200.000.000.000
Tổng cộng		**200.000.000.000**

- Phương án xử lý cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của cán bộ công nhân viên nghỉ việc: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định phương án xử lý cổ phiếu đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của cán bộ công nhân viên Ngân hàng nghỉ việc.

2. Thông qua việc thay đổi Điều lệ Ngân hàng, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh căn cứ trên kết quả thực tế phát hành

ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động, Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt sau khi Ngân hàng hoàn tất việc phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ căn cứ kết quả phát hành thực tế theo từng giai đoạn.

3. Về việc lưu ký và niêm yết cổ phiếu phát hành thêm

Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc niêm yết cổ phiếu với Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch chứng khoán Việt theo quy định pháp luật.

4. Công bố thông tin

Ngân hàng TMCP Bản Việt thực hiện công bố thông tin, báo cáo về kế hoạch tăng vốn điều lệ và việc phát hành cổ phần theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán.

5. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện các công việc liên quan

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả vấn đề liên quan đến việc phát hành, cụ thể:

- Điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trong trường hợp cần thiết để phù hợp với tình hình thực tế, chiến lược đầu tư và định hướng phát triển của Ngân hàng phù hợp với quy định pháp luật;
- Điều chỉnh giá trị vốn điều lệ phát hành và số lượng cổ phần dự kiến phát hành của từng phương án cụ thể theo từng giai đoạn với điều kiện giá trị vốn điều lệ phát hành không vượt quá giá trị vốn điều lệ phát hành tối đa mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua;
- Tính toán chính xác số liệu, chỉnh sửa, bổ sung, chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành chứng khoán gửi cho Ngân hàng nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà

nước; chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ có liên quan theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;

- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt ngày thực hiện quyền và thời điểm triển khai việc thực hiện phát hành, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh, lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu nhằm đảm bảo việc phát hành được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định bổ sung, chỉnh sửa toàn bộ các vấn đề, nội dung của Phương án tăng vốn theo nội dung của Tờ trình (bao gồm các nội dung chưa được trình bày trong Tờ trình này) để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai Phương án phát hành cổ phần để tăng vốn đã được duyệt; xử lý cổ phần lẻ và cổ phần không được đăng ký mua khi phát hành và phân phối; ghi nhận số lượng cổ phần phát hành thực tế;
- Quyết định các tiêu chuẩn phát hành, các thỏa thuận, cam kết với người lao động cụ thể và danh sách, số lượng cổ phần phát hành cho từng người lao động tham gia Chương trình;
- Quyết định nội dung các hợp đồng và tài liệu, văn bản giấy tờ trong quá trình thực hiện thủ tục phát hành;
- Quyết định phương án đảm bảo việc phát hành/chào bán cổ phiếu theo từng đợt đáp ứng quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Quyết định, lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024;
- Thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt theo mức vốn Điều lệ mới sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ theo Tờ trình này;
- Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội hoặc niêm yết với Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thực tế;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan để hoàn thành các nội dung công việc được giao;
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024.

Kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP HĐQT.*

Số: 53/24/BVBank/TT-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

TỜ TRÌNH

Về việc Chuyển giao dịch cổ phiếu BVB từ UpCom sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;*
- *Căn cứ tình hình thực tế của Ngân hàng TMCP Bản Việt.*

Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, ĐHĐCĐ đã thông qua các nội dung liên quan đến việc chuyển giao dịch cổ phiếu BVB từ hệ thống giao dịch UpCom sang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam. Tuy nhiên, do bối cảnh thị trường không thuận lợi nên BVBank vẫn chưa thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chuyển sàn giao dịch.

Trong năm 2024, dự báo tình hình kinh tế sẽ tiếp tục khó khăn. Tuy nhiên, HĐQT nhận định nền kinh tế sẽ sớm có triển vọng khởi sắc và tình hình kinh doanh năm 2024 của BVBank sẽ phục hồi. Do đó, nhằm đón đầu các triển vọng khởi sắc sắp tới cũng như nâng cao vị thế, uy tín, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường; tạo thuận lợi cho việc giao dịch cổ phiếu của cổ đông, Hội đồng quản trị Ngân hàng Bản Việt kính trình ĐHĐCĐ tiếp tục thông qua:

1. Chấp thuận việc Ngân hàng TMCP Bản Việt hủy đăng ký giao dịch UpCom
2. Chấp thuận việc Ngân hàng TMCP Bản Việt đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
3. Giao Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến các công việc nêu trên bao gồm nhưng không giới hạn bởi: lựa chọn thời điểm thực hiện các thủ tục hủy đăng ký giao dịch UpCom, thời điểm niêm yết và giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên trên Sở Giao dịch Chứng khoán, lựa chọn đơn vị tư vấn, dự thảo, phê duyệt và ký các văn bản quy định nội bộ, tài liệu, hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền, quyết định các vấn đề liên quan khác, và được ủy quyền cho người khác các công việc mà Hội đồng quản trị thấy cần thiết nhằm đảm bảo việc niêm yết cổ phiếu BVB trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành công.

Trân trọng kính trình Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP HĐQT.*

Số: 54/24/BVBank/TT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt ("BVBank"), cụ thể như sau:

Ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ 01/7/2024. Vì vậy, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/4/2021 cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung có liên quan để đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

Hội đồng quản trị Ngân hàng BVBank trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

- Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, chi tiết theo Phụ lục đính kèm (*Quy chế được xây dựng theo nội dung tại Quy chế hiện hành và sửa đổi một số nội dung theo Luật Các tổ chức tín dụng*).
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành và triển khai thực hiện theo quy định.

Trân trọng kính trình Đại hội ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

PHỤ LỤC : NỘI DUNG CHI TIẾT SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

(Đính kèm Tờ trình 54/24/BVBank/TT-HĐQT *ngày 28/03/2024)*

STT	ĐIỀU KHOẢN	NỘI DUNG HIỆN HÀNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI/CĂN CỨ
1.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 3, khoản 1, 2, 4 (a)**	Điều 3. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (a) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Ngân hàng được niêm yết trên thị trường chứng khoán), trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc	Điều 3. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông 1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông (a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Ngân hàng niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 16; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 18 Phụ lục 1 TT 116/2020/TT-BTC

		của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. (b) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Ngân hàng niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; trường hợp Ngân hàng xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương. (c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết. (d) Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cách thức tải tài liệu, bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; phiếu biểu quyết; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. (b) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết. (c) Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cách thức tải tài liệu, bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; phiếu biểu quyết; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 4. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (a) Các cổ đông ~~cá nhân~~, người đại diện theo ủy quyền cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp	

		4. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông (a) Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp		
2.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 7**	Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Ngân hàng và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục	Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Các TCTD này thì phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp có quy định khác. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2, Điều 50, Khoản 1,3 Điều 69 Luật Các TCTD 2024

		hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc	Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.	
3.	**Sửa đổi Điều 9**	**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị** Các vấn đề liên quan đến cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	**Điều 9. Cách thức bầu, giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị** Các vấn đề liên quan đến cách thức bầu, giới thiệu ứng viên (đề cử, ứng cử) thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Tách bạch nội dung so với Điều 10
4.	**Bổ sung Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	Không quy định	**Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị** Các vấn đề liên quan đến các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ
5.	**Bổ sung Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi**	Không quy định	**Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng	Khoản 3 Điều 44 và Khoản 3 Điều 46 Luật Các TCTD

	nhiệm thành viên Hội đồng quản trị		quản trị, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.	
6.	Thay đổi vị trí Điều 10, Điều 11 thành Điều 12, Điều 13.			
7.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 12, thay đổi vị trí thành Điều 14.**	**Điều 12. Cuộc họp Hội đồng quản trị** Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại Trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp họp lần đầu của nhiệm kỳ sẽ do người triệu tập quyết định. Các vấn đề còn lại liên quan đến trình tự, tổ chức họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 58 Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan	**Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị** Các vấn đề liên quan đến trình tự, tổ chức họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi để phù hợp vớiLDN 2014 khoản 2 Điều 153 – LDN 2020 khoản 2 Điều 157
8.	**Sửa đổi Khoản 2 Điều 13, thay đổi vị trí thành Điều 15.**	**Điều 13. Biên bản họp Hội đồng quản trị** 2.Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (đ), (e), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	**Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị** 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1
9.	Sửa đổi Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị **Điều 14 thay đổi vị trí thành Điều 16.**	Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Mục 5. Các ủy ban, tiểu ban và bộ phận giúp việc thuộc Hội đồng quản trị	Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ, khoản 5 Điều 50 Luật Các TCTD

		Điều 14. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. Các vấn đề liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luận có liên quan.	**Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.** Các vấn đề liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các ủy ban, tiểu ban, bộ phận giúp việc thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.	
10.	Bổ sung Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng; Điều 17. Người phụ trách quản trị Ngân hàng	Không quy định	Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng Điều 17. Người phụ trách quản trị Ngân hàng Các vấn đề liên quan đến Người phụ trách quản trị Ngân hàng, bao gồm tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ
11.	**Sửa đổi Điều 16, thay đổi vị trí thành Điều 18.**	**Điều 16. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát** Ban Kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Các vấn đế khác liên quan đến vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát: (…)	**Điều 18. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát** Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Các vấn đế khác liên quan đến vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan	Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ

12.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 17, thay đổi vị trí thành Điều 19. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**	**Điều 17. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát** Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ	**Điều 19. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát** Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều này và quy định pháp luật liên quan, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Điều lệ hoặc pháp luật có quy định khác. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	Sửa đổi để phù hợp với K4, K6 Điều 51 Luật Các TCTD 2024; Khoản 2, 3 Điều 168 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 286 Nghị định 155/2020;

		cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ		
13.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 19, thay đổi vị trí thành Điều 21.**	**Điều 19.Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Các trường hợp còn lại thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	**Điều 21. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát** Các vấn đề liên quan đến đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ
14.	**Sửa đổi Điều 20, thay đổi vị trí thành Điều 22. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi**	**Điều 20. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	**Điều 22. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**	Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ

	nhiệm thành viên Ban kiểm soát	Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Ban kiểm soát được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	Các vấn đề liên quan đến cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	
15.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 1,2 Điều 21, thay đổi vị trí thành Điều 23.**	**Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây: Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; Có đơn từ chức và được chấp thuận; Trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây: Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;	**Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** Các vấn đề liên quan đến các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ

		Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; …		
16.	**Sửa đổi Điều 22, thay đổi vị trí thành Điều 24.**	**Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** Sau khi có văn bản chấp thuận danh sách ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát của Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Các chức danh quản lý khác; Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng; Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;	**Điều 24. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát** Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 3 Điều 44 và Khoản 3 Điều 46 Luật Các TCTD

		Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có). Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.		
17.	**Sửa đổi Điều 23, thay đổi vị trí thành Điều 25**	**Điều 23. Tiền lương và quyền lợi khác** Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Các vấn đề còn lại liên quan đến tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	**Điều 25. Thù lao, thưởng và lợi ích khác** Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Các vấn đề còn lại liên quan đến thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tế
18.	Thay đổi vị trí Điều 24 thành Điều 26.			
19.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 25, thay đổi vị trí thành Điều 27.**	**Điều 25. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc** Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	**Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc** Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.	Sửa đổi để phù hợp với K1, Điều 55 Luật Các TCTD 2024

		Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng.	Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	
20.	Thay đổi vị trí Điều 26 thành Điều 28.			
21.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 27, thay đổi vị trí thành Điều 29.**	**Điều 27. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc** Thông tin về lương và lợrợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng	**Điều 29. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc** Thông tin về tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo tài chính thường niên của Ngân hàng. Các vấn đề liên quan đến tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định nội bộ, Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Sửa đổi để phù hợp với k3, Điều 163 LDN 2020
22.	Thay đổi vị trí các Điều 28, 29, 30, 31, 32, 33 thành các Điều 30, 31, 32, 33, 34, 35			
23.	**Bổ sung khoản 3 Điều 34, thay đổi vị trí thành Điều 36.**	Không quy định	**Điều 36. Điều khoản thi hành** 3.Điều khoản chuyển tiếp: Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 41, 42 và 43 của Luật Các TCTD được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm; Hội đồng quản trị Ngân hàng được bầu trước ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD

			khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật Các TCTD được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị; Đến ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các TCTD được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.	

Số: 55/24/BVBank/TT-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt ("BVBank"), cụ thể như sau:

Ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ 01/7/2024. Vì vậy, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/4/2021 cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung có liên quan để đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

Hội đồng quản trị Ngân hàng BVBank trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, chi tiết theo Phụ lục đính kèm (*Quy chế được xây dựng theo nội dung tại Quy chế hiện hành và sửa đổi một số nội dung theo Luật Các tổ chức tín dụng*).
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành và triển khai thực hiện theo quy định.

Trân trọng kính trình Đại hội ./.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301378892 - C.T.C.P - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ ANH TÀI

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

PHỤ LỤC: NỘI DUNG CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đính kèm Tờ trình số 55/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024)

Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được bố cục gồm 07 Chương, 24 Điều, cụ thể các sửa đổi, bổ sung của dự thảo như sau:

Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Nhận định/Căn cứ pháp lý
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị		
1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về *phần việc* của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.	1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về <u>việc thực hiện quyền, nghĩa vụ</u> của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.	Làm rõ cụm từ "phần việc" thành "việc thực hiện quyền, nghĩa vụ"
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị		
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các nghĩa vụ sau: (a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định, quyết định của Hội đồng quản trị, Quy chế này, quy định của pháp luật và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và Cổ đông; (b) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trị, thảo luận và biểu quyết các *vấn đề* thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, *trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó;* (c) Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các Tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng; (d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;	2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các nghĩa vụ sau: (a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng Quy chế này và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. (b) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo. (c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường. (d) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. (e) Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết. (f) Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật Các tổ chức tín dụng.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 72 Luật Các TCTD

(e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật. (f) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.	(g) Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. (h) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu. (i) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.	
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị		
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, *trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Ngân hàng và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập.* 2. Nhiệm kỳ của *thành viên* Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. *3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.*	1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. 3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp có quy định khác. 4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.	Sửa đổi, bổ sung Quy chế theo khoản 2 Điều 50; Điều 69 Luật Các TCTD
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị		
1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: (a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ Ngân hàng; (b) Có *bằng đại học* trở lên, hiểu biết về hoạt động ngân hàng:	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: (a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng; (b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; (c) Có trình độ từ đại học trở lên;	Dự thảo Quy chế đã bổ sung một số tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT theo Khoản 1, 2 Điều 41 Luật Các TCTD

(i) Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc (ii) Có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý, *người điều hành* của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, *ngân hàng*, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần; hoặc (iii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. *(c) Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác.* (d) Các tiêu chuẩn và điều khác theo quy định Điều lệ Ngân hàng. 2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: *(a) Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;* (b) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó; (c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Ngân hàng, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; (d) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột là cổ đông lớn của Ngân hàng, là Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng; *(e) Không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; không cùng Người có liên quan theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng;* (f) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;	(d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với Ngân hàng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. (e) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan. 2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: (a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó; Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng; (b) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng; (c) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; (d) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó. (e) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	

(g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định Điều lệ Ngân hàng.		
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị		
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được *kiêm Tổng Giám đốc*. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; (b) *Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, phục vụ cuộc họp;* triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; (c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; (d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; (e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định Điều lệ Ngân hàng. Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một Phó chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một Phó chủ tịch tạm thời giữ chức Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch đều vắng mặt hoặc không thể làm việc được thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. (b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; (c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. (d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; (e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. (f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; (g) Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét. (h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị. (i) Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công. (j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ; (k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này. (b) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật. 4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Ngân hàng. Thư ký Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;	Dự thảo Quy chế sửa đổi, bổ sung theo khoản 1 Điều 43; Điều 71 Luật Các TCTD, khoản 5 Điều 7 Phụ lục III Thông tư 116/2020/TT-BTC

	b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Ngân hàng; d) Hỗ trợ Ngân hàng trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định pháp luật liên quan.	
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị		
1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: *(a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ Ngân hàng;* (b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; (c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: (a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; (b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 45 của Luật Các tổ chức tín dụng, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng; b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng; d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 3 Điều 43 của Luật Các tổ chức tín dụng; đ) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của tổ chức tín dụng. 2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm. 3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 46 Luật Các TCTD.
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị		

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ *10% (mười phần trăm)* tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật liên quan.	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật liên quan. 2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi khoản 1 Điều 9 theo khoản 10 Điều 61 Luật Các TCTD, Khoản 3 Điều 25 Thông tư 116/2020/TT-BTC.
Bổ sung Điều 11. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị		
Không có quy định	1. Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu. Những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. 2. Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách người được bầu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu.	Bổ sung quy định về chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng theo Điều 44 Luật Các TCTD
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Ngân hàng và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng; (b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; (c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; (d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Ngân hàng; *(e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định;*	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Ngân hàng và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: (a) Triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên. (b) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Các tổ chức tín dụng. (c) Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng. (d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 70 Luật Các TCTD.

(f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; (g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; (h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng, giao dịch khác theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan; *(i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Ngân hàng quy định;* quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Cử người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; […]	khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. (e) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. (f) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng. (g) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng ụng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. (h) Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. (i) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng. (j) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng. (k) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. (l) Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức	

	tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. (m) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng. (n) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên. (o) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. (p) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng. (q) Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được duyệt. (r) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. (s) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. (t) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. (u) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. (v) Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc. (w) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng	
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường		
1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng; (b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật; (c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.3 Điều lệ Ngân hàng; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng; (b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng; (c) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng;	Dự thảo bổ sung trường hợp HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường để phù hợp với khoản 2, Điều 67 Luật Các TCTD

văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; (d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; (e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.	(d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng; (e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; (f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng; (g) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ của Ngân hàng	
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị		
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. *Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.*	11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	Sửa đổi, bổ sung theo khoản 5 Điều 72 Luật Các TCTD và Điều lệ Ngân hàng.
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan		
1. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải kê khai cho Ngân hàng về các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm: *(a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;* *(b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.*	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc); c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin; d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin. 2. Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi Ngân hàng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 49 Luật Các TCTD.

	này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. 3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng. 4. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.	

Trân trọng kính trình./.

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 16/24/BVBank/TT-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt ("BVBank") cụ thể như sau:

Ngày 18/01/2024, Quốc hội thông qua Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2024. Vì vậy, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/04/2021 cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung có liên quan để đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

Ban Kiểm soát BVBank trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm văn kiện ĐHĐCĐ 2024.

  (quy chế được xây dựng theo nội dung tại Quy chế hiện hành và sửa đổi một số nội dung theo Luật Các tổ chức tín dụng)

- Giao Trưởng Ban kiểm soát ký ban hành và triển khai thực hiện theo quy định.

Trân trọng kính trình Đại hội.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu VP.HĐQT*

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 0301378892 - C.T.C.P * NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH *

Phan Thị Hồng Lan

Số: 56/24/BVBank/TT-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH115 được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024. Để tuân thủ quy định pháp luật, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt, cụ thể như sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

- Về hình thức và bố cục Điều lệ vẫn giữ nguyên như Điều lệ hiện hành gồm: Chương, Mục, Điều, Khoản, Điểm;
- Về nội dung sửa đổi, bổ sung một số Điều, khoản theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và một số quy định pháp luật hiện hành.

(*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*).

2. Nội dung trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ BVBank và ban hành bản Điều lệ hợp nhất thay thế Điều lệ hiện hành để áp dụng thống nhất;
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn thiện nội dung dự thảo Điều lệ BVBank và thông báo đến các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình Đại hội./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

PHỤ LỤC CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

(Đính kèm Tờ trình số 56/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024)

STT	Điều khoản	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi/căn cứ pháp lý
1.	**Sửa đổi,bổ sung Phần mở đầu.**	Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần, hoạt động theo Giấy phép số 0025/NH- GP ngày 22/8/1992 và Quyết định chấp thuận việc sửa đổi Giấy phép số 2665/QĐ-NHNN ngày 13/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 08 tháng 04 năm 2022, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2023, Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 26 tháng 07 năm 2023 và ngày 27 tháng 12 năm 2023.	Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần, hoạt động theo Giấy phép số 0025/NH- GP ngày 22/8/1992 *và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép* của Ngân hàng Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông *ngày 19 tháng 04 năm 2024.*	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tế tại Ngân hàng.
2.	**Sửa đổi, bổ sung điểm (b) khoản 1.1 Điều 1**	**"Luật Các tổ chức tín dụng"** có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010, sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;	**"Luật Các tổ chức tín dụng"** có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng *số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/01/2024*;	Cập nhật Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
3.	**Sửa đổi, bổ sung điểm (e) khoản 1.1 Điều 1**	**"Vốn điều lệ"** là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi tại Điều lệ này.	"**Vốn điều lệ**" *là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông.*	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 42 Điều 4 Luật các TCTD.

4.	**Sửa đổi, bổ sung điểm (g) khoản 1.1 Điều 1**	**"Vốn pháp định"** là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Ngân hàng	"**Vốn pháp định**" là mức vốn tối thiểu *phải có theo quy định* của pháp luật để thành lập Ngân hàng.	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 44 Điều 4 Luật các TCTD.
5.	**Sửa đổi, bổ sung điểm (i) khoản 1.1 Điều 1**	**"Người quản lý của Ngân hàng"** là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác (nếu có).	"**Người quản lý của Ngân hàng**" là Chủ tịch, thành viên *khác* của Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác (nếu có).	Sửa đổi cho phù hợp với khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD.
6.	**Sửa đổi, bổ sung điểm (j) khoản 1.1 Điều 1**	**"Người có liên quan"** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Công ty mẹ với Công ty con và ngược lại; Ngân hàng với Công ty con của Ngân hàng và ngược lại; các Công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một Ngân hàng với nhau; Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của Ngân hàng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với Công ty con và ngược lại; (ii) Công ty hoặc Ngân hàng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc Ngân hàng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; (iii) Công ty hoặc Ngân hàng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng đó và ngược lại; (iv) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này; (v) Công ty hoặc Ngân hàng với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) của khoản này của Người quản lý,	**"Người có liên quan"** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây: Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; *công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại;* Ngân hàng với công ty con của Ngân hàng và ngược lại; *Ngân hàng với công ty con của công ty con của Ngân hàng và ngược lại;* các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một Ngân hàng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một Ngân hàng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của Ngân hàng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; Công ty hoặc Ngân hàng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc Ngân hàng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; Công ty hoặc Ngân hàng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc Ngân hàng đó và ngược lại;	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD.

		thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của công ty hoặc Ngân hàng đó và ngược lại; (vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau. (vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.	Cá nhân với vợ, chồng; *cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;* Công ty hoặc Ngân hàng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm (iv) khoản này với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ *hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết* trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại; Cá nhân được ủy quyền đại diện *phần vốn góp* cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát;	
7.	**Sửa đổi điểm (n) khoản 1.1 Điều 1**	"**Cổ đông lớn**" của Ngân hàng là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng	"**Cổ đông lớn**" là cổ đông của Ngân hàng sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, *bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.*	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Khoản 8 Điều 4 Luật các TCTD.

8.	**Sửa đổi điểm (r) khoản 1.1 Điều 1**	***"Công ty con của Ngân hàng"*** là công ty mà trong đó: Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết; Ngân hàng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của Công ty con; Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty con; Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty con.	"**Công ty con của Ngân hàng**" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết *của công ty đó*; Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó; Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty *đó*; Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD.
9.	**Sửa đổi điểm (v) khoản 1.1 Điều 1**	"**Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng**" là người được Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại các Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.	"**Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng**" là người được Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền *và nghĩa vụ của Ngân hàng* theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Doanh nghiệp.
10.	**Xóa bỏ điểm (y), khoản 1.1 Điều 1.**	Vốn có quyền biểu quyết" là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật các TCTD.
11.	**Bổ sung điểm (z) khoản 1.1 Điều 1**	Không quy định	*"**Công ty kiểm soát**" là công ty sở hữu trực tiếp, gián tiếp trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng hoặc là công ty nắm quyền kiểm soát của Ngân hàng hoặc là Ngân hàng có công ty con, công ty liên kết.*	Bổ sung cho phù hợp với với Khoản 10 Điều 4 Luật các TCTD.

12.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 2.3 Điều 2**	2.3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng là: Địa chỉ : Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại : (08) 62 679 679 Fax : (08) 62 638 668 Website : www.vietcapitalbank.com.vn	2.3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng là: Địa chỉ : Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại : (028) 62 679 679 Fax : (028) 62 638 668 Website : www.bvbank.net.vn	Điều chỉnh cho phù hợp tên miền mới của Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng.
13.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 2.5 Điều 2**	2.5 Ngân hàng được mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện, được thành lập đơn vị sự nghiệp, Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.	2.5 Ngân hàng được mở Chi nhánh, *Phòng Giao dịch*, Văn phòng đại diện, được thành lập đơn vị sự nghiệp, Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.	
14.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 5.2 Điều 5**	5.2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.	5.2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 2 Điều 107 Luật các TCTD.
15.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 5.3 Điều 5**	5.3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: (a) Cho vay; (b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; (c) Bảo lãnh ngân hàng; (d) Phát hành thẻ tín dụng; (e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; (f) Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.	5.3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: (a) Cho vay; (b) Chiết khấu, tái chiết khấu; (c) Bảo lãnh ngân hàng; (d) Phát hành thẻ tín dụng; (e) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; *(f) Thư tín dụng* (g) Các hình thức cấp tín dụng khác *theo quy định của Thống đốc* Ngân hàng Nhà nước.	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 3 Điều 107 Luật các TCTD.

16.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 5.6 Điều 5**	5.6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây: (a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; (b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế; và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.	5.6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán *qua tài khoản* sau đây: (a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, *chuyển tiền,* thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; (b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế *sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản*; và các dịch vụ thanh toán khác *theo quy định của Thống đốc* Ngân hàng Nhà nước.	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 6 Điều 107 Luật các TCTD.
17.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 5.7 Điều 5**	5.7. Mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	5.7. Mở *tài khoản thanh toán* tại tổ chức tín dụng *được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản*; mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 109 Luật các TCTD.
18.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 5.8 và 5.9 Điều 5**	5.8 Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 5.9 Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.	5.8 Vay của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *5.9 Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam* *5.10 Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.* *5.11 Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.* 5.12. Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. Tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế *khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản*	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 108, Điều 110 Luật các TCTD.
19.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 6.2**	6.2 Ngân hàng phải thành lập hoặc mua lại Công ty con, Công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:	6.2. Ngân hàng phải thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết *khi* thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây: (a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 2 Điều 11 Luật các TCTD.

		(a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; (b) Cho thuê tài chính; (c) Bảo hiểm.	khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu; (b) Cho thuê tài chính; (c) Bảo hiểm.	
20.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 6.4 Điều 6**	6.4. Ngân hàng được được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây: (a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng; (b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.	6.4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây: (a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng; (b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này *sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản*.	Điều chỉnh cho phù hợp điểm b khoản 4 Điều 111 Luật các TCTD.
21.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 6.5 Điều 6**	6.5. Việc thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại Điều 6.2 và 6.3 của Điều lệ này và việc góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng theo quy đinh tai Điều 6.4(b) của Điều lệ này được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Việc thành lập Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng thực hiện theo các điều kiện, thủ tục và trình tự theo quy định của pháp luật có liên quan.	*6.5. Ngân hàng thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại Điều 6.2 và Điều 6.3 Điều lệ này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.* *Ngân hàng thành lập Công ty con, Công ty liên kết theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.*	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 5, khoản 7 Điều 111 Luật các TCTD.
22.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 6.6 Điều 6**	6.6 Ngân hàng, Công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.	*6.6 Ngân hàng, Công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.*	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 8 Điều 111, Luật các TCTD.
23.	**Xóa bỏ khoản 7.1 Điều 7**	7.1. Tham gia thị trường tiền tệ: Ngân hàng được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính	***Không quy định***	Luật các TCTD không còn quy định này.

		phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.		
24.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 7.2 thành khoản 7.1 Điều 7**	7.2. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và các sản phẩm phái sinh: (a) Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây: (i) Ngoại hối; (ii) Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác; (iii) Sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa. (b) Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	7.1. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh của Ngân hàng: (a) Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, *sản phẩm* sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản: (i) Ngoại hối; (ii) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác. (b) Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 112 Luật các TCTD.
25.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 7.3 thành khoản 7.2 Điều 7**	7.3. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý: Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.	7.2. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, *giao đại lý* của Ngân hàng (a) Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, *giao đại lý thanh toán* theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. (b) Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 113 Luật các TCTD.
26.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 8**	**Điều 8. Các hoạt động kinh doanh khác**	**Điều 8. Các hoạt động kinh doanh khác**	Điều chỉnh cho phù hợp Điều 114 Luật các TCTD.

		8.1 Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. 8.2 Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. 8.3 Mua, bán trái phiếu Chính phủ, đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. 8.4 Dịch vụ môi giới tiền tệ. 8.5 Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng, cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán, ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 8.6 Các hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nướcpháp luật.	8.1 Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: (a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; *dịch vụ ngân quỹ* cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; *(b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;* (c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại Điều 8.2 (a) Điều lệ này; (d) Dịch vụ môi giới tiền tệ; (e) Kinh doanh vàng; *(f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;* (g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép. 8.2 Ngân hàng được thực hiện các hoạt động đại lý bảo hiểmkinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật về kinh doanh có liên quan: *(a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ,* trái phiếu Chính phủ bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lýlãnh, trái phiếu chính quyền địa phương; (b) Phát hành trái phiếu; (c) Lưu ký chứng khoán; (d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;	

			(e) Đại lý quản lý tài sản bảo hiểm *đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.* 8.3 Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại Điều 8.1 và Điều 8.2 Điều lệ này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan	
27.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 9.2, khoản 9.3 Điều 9**	9.2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng 9.3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định pháp luật	9.2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Ngân hàng *chưa sử dụng hết.* 9.3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định quy định tại Điều 83.3 Điều lệ này.	Điều chỉnh cho phù hợp khoản 3 Điều 139 Luật các TCTD.
28.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 10**	**Điều 10. Hoạt động của Ngân hàng điện tử** 10.1 Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 10.2 Ngân hàng phải bảo đảm an toàn và bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.	**Điều 10. *Giao dịch điện tử* trong hoạt động của Ngân hàng** *Hoạt động của Ngân hàng được thực hiện bằng phương tiện điện tử phải bảo đảm an toàn và bảo mật giao dịch điện tử theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 105, Điều 140 Luật các TCTD.
29.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 11**	**Điều 11. Tỷ lệ đảm bảo an toàn**	**Điều 11. Tỷ lệ bảo đảm an toàn** 11.1. Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 138 Luật các TCTD.

		11.1 Ngân hàng phải đảm bảo các tỷ lệ đảm bảo an toàn sau theo quy định của pháp luật vào từng thời điểm: (a) Tỷ lệ khả năng chi trả; (b) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; (c) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn; (d) Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có; (e) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi; (f) Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. 11.2 Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. 11.3 Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, Công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và các khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán phải trừ khỏi vốn tự có khi tính các tỷ lệ an toàn.	Tỷ lệ khả năng chi trả; Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu *08% (tám phần trăm) hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;* Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có; Tỷ lệ mua, *nắm giữ*, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; *Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.* 11. 2. Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia *phải ký quỹ tiền tại* Ngân hàng Nhà nước, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của *Thống đốc* Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ. 11.3. Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính tỷ lệ bảo đảm an toàn.	
30.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 12**	**Điều 12. Dự phòng rủi ro** 12.1 Ngân hàng phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của mình. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.	**Điều 12. Dự phòng rủi ro** 12.1.Ngân hàng phải dự phòng rủi ro trong hoạt động của mình. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 147 Luật các TCTD.

		12.2 Việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng khoản dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động do Ngân hàng Nhà nước quy định. 12.3 Trong trường hợp Ngân hàng thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của Ngân hàng.	12.2. Việc phân loại tài sản có thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước *hoặc theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp đặc biệt.* *12.3. Việc sử dụng dự phòng rủi ro không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với khoản nợ được sử dụng dự phòng rủi ro và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến khoản nợ.* Mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng *thực hiện theo quy định của Chính phủ.* 12.4. Trường hợp Ngân hàng thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được hạch toán vào doanh thu của Ngân hàng	
31.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 14.3, Điều 14.5, Điều 14.6.**	14.3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Ngân hàng: (a) Ngân hàng mua lại sau đó hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm theo phương án được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua hoặc huỷ bỏ số lượng cổ phiếu quỹ buộc phải huỷ; (b) Ngân hàng thu hồi, sau đó hủy bỏ một số cổ phiếu của các cổ đông với tổng mệnh giá tương ứng với số vốn điều lệ giảm; (c) Giảm vốn điều lệ khi Ngân hàng kinh doanh thua lỗ 03 (ba) năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 50% (năm mươi phần trăm) vốn của các cổ đông trở lên nhưng chưa mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn;	14.3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Ngân hàng: (a) Ngân hàng mua lại sau đó hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm theo phương án được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua hoặc huỷ bỏ số lượng cổ phiếu quỹ buộc phải huỷ; (b) Ngân hàng thu hồi, sau đó hủy bỏ một số cổ phiếu của các cổ đông với tổng mệnh giá tương ứng với số vốn điều lệ giảm; (c) Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. 14.5 Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ *và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép* thực hiện theo quy định của *Thống đốc* Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 37 Luật các TCTD.

		(d) Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. 14.5 Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan. 14.6 Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký cho Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn điều lệ mới.	14.6 Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải thực hiện thủ tục sau đây: *(a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng phù hợp với mức vốn điều lệ đã được chấp thuận* *(b) Công bố mức vốn điều lệ trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.*	
32.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 16.1**	16.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: (a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng; (b) Cổ phần chào bán cho người lao động, người quản lý, người điều hành của Ngân hàng hoặc đối tượng khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; (c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện trên 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	16.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây: (a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng; (b) Cổ phần chào bán cho người lao động, người quản lý, người điều hành của Ngân hàng hoặc đối tượng khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; (c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông số cổ đông đại diện trên 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 3 Điều 126 Luật doanh nghiệp.

33.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 17**	**Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần** 17.1 Một cổ đông cá nhân được sở hữu tối đa 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. 17.2 Một cổ đông là tổ chức được sở hữu cổ phần tối đa 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng trừ trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 17.3 Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. 17.4 Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác. 17.5 Tỷ lệ sở hữu quy định tại các Điều 17.1, Điều 17.2 và Điều 17.4 của Điều lệ này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần. 17.6 Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.	**Điều 17. Giới hạn sở hữu cổ phần** 17.1. Một cổ đông là cá nhân *không được sở hữu cổ phần vượt quá* 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. 17.2. Một cổ đông là tổ chức *không được sở hữu cổ phần vượt quá 10%* (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. 17.3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó *không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông lớn của* Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác. 17.4. *Quy định tại Điều 17.2 và Điều 17.3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Điều 17.6 Điều này.* 17.5. *Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại các Điều 17.1 và Điều 17.2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 17.3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó.* 17.6. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định của Chính phủ, bao gồm quy định tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư đó tại một tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện, thủ tục nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; điều kiện đối với tổ chức tín dụng Việt Nam bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 63 Luật các TCTD.

			17.7 Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.	
34.	**Sửa đổi khoản 18.2 Điều 18**	18.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	18.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán *và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 9.2 Điều lệ mẫu.
35.	**Sửa đổi khoản 18.3 Điều 18**	18.3 Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng: (a) Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; (b) Chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.	18.3 Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng: mua, *nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn. Cổ đông, người nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung quy định tại khoản này.*	Điều chỉnh cho phù hợp với điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật các TCTD.
36.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 18.4 Điều 18**	18.4 Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông cá nhân, cổ đông tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc trong thời gian đảm nhiệm chức vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.	18.4 Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông *là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng của mình* trong thời gian đảm nhiệm chức vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 1 Điều 64 Luật các TCTD.
37.	**Sửa đổi khoản 18.5 Điều 18**	18.5 Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:	18.5 Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây: (a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 2, khoản 3 Điều 64 Luật các TCTD.

		(a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; (b) Bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án; (c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; (b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án *đã có hiệu lực pháp luật*; (c Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện *phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.*	
38.	**Xóa bỏ Điều 19**	**Điều 19. Mua lại cổ phần** 19.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Ngân hàng: Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có) đã bán theo quy định sau đây: (a) Hội đồng Quản trị Ngân hàng có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; (b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điều 19.1(c) của Điều lệ này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Ngân hàng và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD .

		(c) Ngân hàng có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Ngân hàng theo trình tự, thủ tục sau đây. (i) Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Ngân hàng. (ii) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần \ đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên. 19.2 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: (a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghi quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định		

		bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này; (b) Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 19.2(a) của Điều lệ này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Ngân hàng giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. 19.3 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại: (a) Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại Điều 19.1 và Điều 19.2 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng; (b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 19.1 và Điều 19.2 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng phải		

		đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Ngân hàng mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác; (c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Ngân hàng; (d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại. (e) Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại Điều 19.3 (a) của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 85 của Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Ngân hàng thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.		
39.	Thay đổi vị trí Điều 20 thành Điều 19.			
40.	**Xóa bỏ Điều 21**	**Điều 21. Thừa kế cổ phần**	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.

		21.1 Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật khác có liên quan. 21.2 Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Ngân hàng, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan. 21.3 Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.		
41.	**Sửa đổi khoản 22.2, Điều 22, thay đổi vị trí thành Điều 20.**	Chứng nhận cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ Trụ sở chính của Ngân hàng; Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Số lượng cổ phần và loại cổ phần; Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;	20.2 Chứng nhận cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, *mã số doanh nghiệp*, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng; Số lượng cổ phần và loại cổ phần; Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần; Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

		Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng; Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu; Các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.	Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu; Các nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi	
42.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 23, thay đổi vị trí thành Điều 21**	**Điều 23. Phát hành trái phiếu** Việc phát hành trái phiếu của Ngân hàng phải đảm bảo các quy định sau đây: 23.1. Chào bán trái phiếu riêng lẻ và chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan. 23.2. Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu của Ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này. 23.2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 23.2 Điều này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu riêng lẻ.	**Điều 21. Phát hành trái phiếu** Việc phát hành trái phiếu của Ngân hàng phải đảm bảo các quy định sau đây: 21.1. Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu của Ngân hàng được thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này. 21.2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 21.1 Điều này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu riêng lẻ.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 107 Luật các TCTD.
43.	Thay đổi vị trí **Điều 24** thành **Điều 22**			
44.	**Sửa đổi, bổ sung Điều**	**Điều 25.Cơ cấu tổ chức, quản trị, kiểm soát Ngân hàng**	**Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng**	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 40, Luật các TCTD.

	25, thay đổi vị trí thành Điều 23	**Cơ cấu tổ chức quản trị, điều hành và kiểm soát của Ngân hàng bao gồm:** 25.1 Đại hội đồng cổ đông; 25.2 Hội đồng quản trị; 25.3 Ban kiểm soát; 25.4 Tổng Giám đốc.	Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm: 23.1 Đại hội đồng cổ đông; 23.2 Hội đồng quản trị; 23.3 Ban kiểm soát; 23.4 Tổng Giám đốc.	
45.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 26.3 Điều 26, thay đổi vị trí thành Điều 24**	26.3 Ngân hàng có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.	24.3 Ngân hàng có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt *và Ngân hàng được chuyển giao bắt buộc* đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 6 Điều 60 Luật các TCTD.
46.	Thay đổi vị trí **Điều 27** thành **Điều 25**			
47.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 28, thay đổi vị trí thành Điều 26**	**Điều 28. Quyền của cổ đông** 28.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: (a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại cuộc họp hoặc thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; (b) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng;	**Điều 26. Quyền của cổ đông** 26.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 61 Luật các TCTD.

		(c) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; (d) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; (e) Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Ngân hàng sau khi Ngân hàng đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Ngân hàng theo quy định của pháp luật; (f) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng, cho tổ chức, cá nhân khác hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan; (g) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình. (h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; (i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật;	Xem, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Được chia phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại Ngân hàng khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được gửi đến Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 26.2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông và các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ việc chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. 26.3. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây: Nhận cổ tức theo mức ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi phát hành cổ phần ưu đãi; Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Ngân hàng, sau khi Ngân hàng đã thanh	

		(j) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; 28.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên, có thêm các quyền sau: (a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có). Tùy thuộc vào số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, số lượng ứng cử viên mà mỗi cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề cử phụ thuộc tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm theo quy định tại Điều 28.5 Điều lệ này; (b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; (c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau: (i) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; (ii) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; (iii) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú,	toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản; Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	

		số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. (d) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; (e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; (f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		

		28.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau (a) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng; (b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 28.4 của Điều lệ này (c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. (d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. 28.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:		

		(a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; (b) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng; (c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. 28.5 Số lượng ứng cử viên mà các nhóm cổ đông có quyền đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau: (a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; (b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; (c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;		

		(d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; (e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; (f) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06(sáu) ứng cử viên; (g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; (h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên. 28.6 Cổ đông ưu đãi biểu quyết có quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông và các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ việc chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. 28.7 Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây: (a) Nhận cổ tức theo mức ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi phát hành cổ phần ưu đãi; (b) Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Ngân hàng, sau khi		

		Ngân hàng đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản; (c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.		
48.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 29, thay đổi vị trí thành Điều 27**	**Điều 29. Nghĩa vụ của cổ đông** 29.1 Cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau: (a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp vào Ngân hàng; (b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này; (c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua, nhận chuyển nhượng cổ phần Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật; (d) Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Ngân hàng;	**Điều 27. Nghĩa vụ của cổ đông** 27.1 Cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau: (a) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Ngân hàng; (b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phần của cổ đôngquy định tại Điều 19 Điều lệ này; (c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật; (d) Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 62 Luật các TCTD.

		(e) Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; (f) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng; (g) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Ngân hàng; (h) Cung cấp thông tin và địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. (i) Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 29.2 Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Hội đồng quản trị của Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự. 29.3 Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Ngân hàng.	(e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; (f) Chịu trách nhiệm khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh, giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; 27.2 Bảo mật thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 27.3 Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần. 27.4 Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Ngân hàng. 27.5 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.	

		29.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.		
49.	Thay đổi vị trí **Điều 30** thành **Điều 28**			
50.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 31.1, Điều 31**	**Điều 31. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông** **31.1** Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng; (b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 1/2 (một nửa) năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ; (c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này; (d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.3 Điều lệ này. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan); (e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý cấp cao của Ngân hàng (Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Ngân hàng) vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy	**Điều 29. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông** **29.1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. **29.2** Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng; (b) Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều 52.2 Điều lệ này; (c) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều 62.2 Điều lệ này; (d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông; (e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; (f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng; 29.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 67 Luật các TCTD.

		định của pháp luật hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; (f) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; (g) Các trường hợp khác theo **quy định của pháp luật và Điều lệ này.**		
51.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 32, thay đổi vị trí thành Điều 30.**	**Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông** 32.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 32.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: (a) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; (b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng; (c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; (d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan;	**Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông** 30.1 Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: (a) Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; (b) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; (c) Thông qua quy định, quy chế về quản trị nội bộ, về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; (d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ nàycủa Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan; (e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	Điều chỉnh cho phù hợp với điều 67 Luật các TCTD.

		(e) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; (f) Xem xét và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng; (g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của Ngân hàng; (h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; (i) Thông qua việc mua lại hơn 10% (mười phần trăm) cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này; (j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi; (k) Thông qua mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; (l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận sau khi Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng; (m) Lựa chọn công ty kiểm toán;	(f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng; (g) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng; (h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; (i) Thông qua phương án mua lại hơn 10% (mười phần trăm) cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này; (j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi; (k) Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm (nếu có) theo quy định Luật Các tổ chức tín dụng; (l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng; (m) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; (n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng; (o) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân	

		(n) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; (o) Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; (p) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (q) Quyết định việc đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (r) Quyết định thành lập Công ty con; (s) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng; (t) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng; (u) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;	hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (p) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (q) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của tổ Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc; (r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng; (s) Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 9698 của Điều lệ này; (t) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng; 30.2 Đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề sau: (a) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận sau khi Ngân	

		(v) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; (w) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.	hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng. (b) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn. (c) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng (d) Báo cáo tài chính hằng năm; (e) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; (f) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (g) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát (h) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; (i) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền 30.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: (a) Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 30.1 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; (b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	

			30.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	
52.	Thay đổi vị trí **Điều 33** thành **Điều 31.**			
53.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 34, thay đổi vị trí thành Điều 32**	**Điều 34. Thay đổi các quyền** 34.1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở	**Điều 32. Thay đổi các quyền** 32.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 17 Điều lệ mẫu.

		hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 34.2 Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên. 34.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 36 và Điều 37 Điều lệ này. 34.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 32.2 Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên. 32.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 34 và Điều 35 Điều lệ này. 32.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân	

			hàng không bị thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
54.	**Bổ sung Khoản 1, Điều 35, thay đổi vị trí thành Điều 33.**	Không quy định	**Điều 33. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo** mời họp Đại hội đồng cổ đông 33.1 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 29.2 Điều lệ này.	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật các TCTD.
55.	Thay đổi vị trí Điều 36 thành Điều 34			
56.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 37.4 Điều 37 và thay đổi vị trí thành Điều 35.**	37.4 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các Điều 32.2(a), Điều 32.2(d), Điều 32.2(f) và Điều 32.2(s) của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..	35.4 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các Điều 30.1(a), Điều 30.1(d), Điều 30.1(f) và Điều 30.1(r) của Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đôngg.	Điều chỉnh do thay đổi số tứ tự và phù hợp với khoản 5 Điều 46 Luật các TCTD.
57.	**Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 37.5, Điều 37 và thay đổi vị trí thành điểm c, khoản 35.3, Điều 35.**	(c) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với việc thay đổi ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh và một số vấn đề được nêu tại các Điều 32.2(b), Điều 32.2 (g), Điều 32.2(h), Điều 32.2(q), Điều 32.2(s) Điều lệ này.	(c) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với việc thay đổi ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh và một số vấn đề được nêu tại các Điều 30.1(h), Điều 30.1 (p), Điều 30.1 (r) Điều lệ này.	Điều chỉnh do thay đổi thứ tự và phù hợp với khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD.

58.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 37.6, Điều 37 và thay đổi vị trí thành Điều 35**	37.6 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 34.1 Điều lệ này.	35.6 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại Điều 30.1 (h), Điều 30.1(p) Điều lệ này.	Điều chỉnh do thay đổi số thứ tự và phù hợp với khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD.
59.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 38 và thay đổi vị trí thành Điều 36.**	**Điều 38. Thể thức tiến hành hôp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** 38.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. 38.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết hoặc các phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại Đại hội đồng cổ đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng thu tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề sẽ được Chủ toa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Khi biểu quyết bằng các phiếu biểu quyết có thể bao gồm nhiều vấn đề cần lấy biểu	**Điều 36 Thể thức tiến hành hôp, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** 36.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. 36.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết hoặc các phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. *Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến*. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại Đại hội đồng cổ đông, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng thu tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. *Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp*. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 146 của Luật Doanh nghiệp và Điều 20, Điều 22.8, Điều 22.9 của Điều lệ mẫu.

		quyết. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được xác lập thành biên bản riêng. Đại hội đồng cổ đông sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. 38.3 Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng. 38.4 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 38.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị.	sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ. 36.3 *Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc* có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. 36.4 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. 36.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa *hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông* do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều *hành* để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. 36.6 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một người hoặc Tổ thư ký làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. 36.7 Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	

		38.6 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một người hoặc Tổ thư ký làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. 38.7 Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. 38.8 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp. 38.9 Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. 38.10 Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội <u>khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</u> 38.11 Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. 38.12 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà người triệu tập Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông	36.8 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp. 36.9 Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. 36.10 *Chủ toạ đại hội có thể hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:* *(a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;* *(b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;* *(c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.* 36.11 *Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại* ***Điều*** *38.10, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa* **điều** *hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc, tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.* 36.12 Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại	

		hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 38.13 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp sau: (a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó; (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội đồng cổ đông. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 38.14 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể: (a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội"); (b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.	hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự. 36.13 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà người triệu tập Đại hội đồng cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 36.14 Người triệu tập họp *hoặc Chủ tọa cuộc họp* Đại hội *đồng cổ đông có quyền sau đây:* *(a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp lý, hợp pháp khác.* *(b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp hoặc trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..* 36.15 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể: (a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội"); (b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này	

		Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này. 38.15 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.	hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này. 36.16 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội. 36.17 *Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán.*	
60.	**Sửa đổi khoản 39.1, Điều 39 và thay đổi vị trí thành Điều 37.1.**	Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 39.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản của Ngân hàng và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây	Điều 39. *Nghị quyết*, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 37.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản của Ngân hàng và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. *Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm tiếng nước ngoài* và có các nội dung chủ yếu sau đây:	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 23.1 Điều lệ mẫu.
61.	**Sửa đổi khoản 39.2, Điều 39 và thay đổi vị trí thành Điều 37.2**	39.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.	37.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải *lập* xong và thông qua trước khi *kết thúc* cuộc họp.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 23.2 Điều lệ mẫu.
62.	**Sửa đổi khoản 39.3, Điều 39 và thay đổi vị**	39.3 Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	37.3 Chủ toạ và thư ký cuộc họp *hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp* phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 23.3 Điều lệ mẫu.

	trí thành Điều 37.3			
63.	**Bổ sung khoản 39.6, Điều 39 và thay đổi vị trí thành Điều 37.5**	Không quy định	37.5. *Biên bản được lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản bằng Tiếng Việt nà tiếng nước ngoài thì nội dung biên bản bằng Tiếng Việt được áp dụng.*	Bổ sung cho phù hợp với Điều 23.3 Điều lệ mẫu.
64.	**Sửa đổi khoản 39.5, Điều 39 và thay đổi vị trí thành Điều 37.6**	39.5 Biên bản phải có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy đinh của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng.	37.6 *Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và* phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng.	Điều chỉnh chi phù hợp với Điều 23.4 Điều lệ mẫu.
65.	Thay đổi vị trí Điều Điều 39.6 thành 37.7			
66.	**Sửa đổi khoản 40.3, Điều 40 và thay đổi vị trí thành Điều 38.3**	40.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.	38.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 149.3 Luật Doanh nghiệp, Điều 22.3 Điều lệ mẫu.
67.	**Sửa đổi khoản 40.6, Điều 40 và thay đổi vị**	40.6 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân	38.6 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	

	trí thành Điều 38.6.	hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	(f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người *giám sát* kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;	
68.	**Sửa đổi khoản 40.7, Điều 40 và thay đổi vị trí thành Điều 38.7**	40.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang chủ (website) của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	38.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu *và nghị quyết* phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. *Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 149.6 Luật Doanh nghiệp và Điều 22.6 Điều lệ mẫu.
69.	**Sửa đổi Điều 41 và thay đổi vị trí thành Điều 39.**	**Điều 41. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông** Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 41.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng	**Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông** Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 26.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 39.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng Luật	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 24 Điều lệ mẫu.

		theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật; hoặc 41.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và pháp luật.	Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại Điều 35.2 Điều lệ này 39.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này	
70.	**Sửa đổi, bổ sung khoản 42.1 Điều 42 và thay đổi vị trí thành Điều 40.1, Điều 40.2**	42.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	40.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, *thực hiện quyền, nghĩa vụ* của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 40.2. *Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.*	Điều chỉnh cho phù hợp với khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51 Luật các TCTD.
71.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 43 và thay đổi vị trí thành Điều 41.**	**Điều 43. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của Ngân hàng** 43.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: (a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ này; (b) Có đạo đức nghề nghiệp; (c) Có bằng Đại học trở lên;	**Điều 41. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành và một số chức danh khác của Ngân hàng** 41.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Điều lệ này; Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Có trình độ từ đại học trở lên;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 41 Luật các TCTD.

		(d) Hiểu biết về hoạt động ngân hàng: (i) Có ít nhất 03 năm làm Người quản lý, Người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc (ii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm Người quản lý, Người điều hành doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định của ngân hàng thương mại cổ phần; hoặc (iii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán hoặc kế toán. (e) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. 43.2 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo Điều 43.1 Điều lệ này và các yêu cầu sau: (a) Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm; (b) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó; (c) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;	Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại cổ phần; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán án. 41.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41.1 Điều lệ này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: *Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;* *Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;* *Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;* *Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;*	

		(d) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột là cổ đông lớn của Ngân hàng, là Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng; (e) Không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; (f) Không cùng Người có liên quan theo quy định tại Điều lệ này sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; (g) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó; (h) Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Ngân hàng chiếm từ 30% (ba mươi phần trăm) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Ngân hàng trong 02 (hai) năm gần nhất; (i) Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Ngân hàng trong 02 (hai) năm gần nhất; (j) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. 43.3 Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ này; Có đạo đức nghề nghiệp;	*Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó*. 41.3. Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41.1 (a), Điều 41.1 (b) Điều lệ này; Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng; Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; 41.4. Tổng giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: *Tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41.1 (a), Điều 41.1 (b) Điều lệ này;* *Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;* *Có một trong các điều kiện sau đây:* *có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng;* *có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu*	

		Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng; Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng; Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. 43.4 Tổng Giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: (a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ này; (b) Có đạo đức nghề nghiệp; (c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; (d) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm: (i) Có ít nhất 05 (năm) năm làm Người điều hành của tổ chức tín dụng; hoặc (ii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp	*bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;* *có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;* *Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm*. 41.5. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương theo quy định của Ngân hàng phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây: *Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42.2 Điều lệ này; đối với Phó Tổng giám đốc phải không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42.1 Điều lệ này;* *Có một trong các điều kiện sau đây:* *có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;* *có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;* *Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;* *Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán;* .	

		định của ngân hàng thương mại cổ phần và có ít nhất 05 (năm) làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc (iii) Có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán; (e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; (f) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan. 43.5 Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các Công ty con và chức danh tương đương Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau: (a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.1 của Điều lệ này; Phó Tổng Giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại Điều 44.2 của Điều lệ này; (b) Có đạo đức nghề nghiệp; (c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm: (i) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc (ii) Có bằng Đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; (iii) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.		

		(d) Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.		
72.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 44 và thay đổi vị trí thành Điều 42**	**Điều 44. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:** 44.1 Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của Ngân hàng: Người chưa thành niên; người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên; Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại Ngân hàng; Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng;	**Điều 42. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:** 42.1. Những người sau đây không được *là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này:* *Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;* *Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;* *Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;* *Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 42 Luật các TCTD.

		Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng; Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tong Giám đốc, Phó Thót,anám đốc nh ngân hàng: Thuộc đối tượng quy định tại Điều 0 Điều lệ này (trừ trường hợp quy định tại Điều 00); Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng; Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó; Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên,	*Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, điểm b khoản 1 Điều 73 và điểm a khoản 2 Điều 77 của Luật Các tổ chức tín dụng;* *Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.* Những người sau đây không được là *Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty con của tổ chức tín dụng:* *Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;* *Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;* *Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;* *Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;* *Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp*	

		Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng; Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng Giám đốc của Ngân hàng; Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.	*mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;* *Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;* *Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.* 42.3 *Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.*	
73.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 45 và thay đổi vị trí thành Điều 43**	**Điều 45. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ** 45.1 Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng: (a) Không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng; (b) Không được đồng thời là Người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công	**Điều 43. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ** *43.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 43 Luật các TCTD.

		ty con của Ngân hàng hoặc là thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng đó; (c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên 05 (năm) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; (d) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác; (e) Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. 45.2 Thành viên Ban kiểm soát: (a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó; (b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát	*43.2 Thành viên Hội đồng quản trị không phải là thành viên độc lập của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:* *Người điều hành Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;* *Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành Công ty con của Ngân hàng hoặc của Công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;* *Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.* *43.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:* *Người điều hành Ngân hàng;* *Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;* *Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.* *43.4. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:* *Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc Công ty con Ngân hàng;*	

		của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành tại Ngân hàng; (c) Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, Người quản lý của tổ chức tín dụng khác. 45.3 Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty con của Ngân hàng. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.	*Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.* *43.5 Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này là người quản lý, người điều hành Công ty con của Ngân hàng hoặc của Công ty mẹ của Ngân hàng.*	
74.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 46 và thay đổi vị trí thành Điều 44**	**Điều 46. Công khai các lợi ích liên quan** 46.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm: (a) Tên, địa chỉ Trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế	**Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan** 44.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng *phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:* (a) Tên, *mã số doanh nghiệp*, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác *mà mình hoặc mình* và người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ *trở lên, bao*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 49 Luật các TCTD.

		mà mình và người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho người, tổ chức khác đứng tên quản lý từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của doanh nghiệp, tổ chức đó; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; (b) Tên, địa chỉ Trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. 46.2 Việc kê khai quy định tại Điều 46.1 Điều lệ này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. 46.3 Việc kê khai quy định tại Điều 46.1 và Điều 46.2 Điều lệ này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên gần nhất hoặc thông báo định kỳ hàng năm cho cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng. 46.4 Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại Điều 46.1 trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại Điều 46.2 Điều lệ này. 46.5 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công	*gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;* (b) Tên, *mã số doanh nghiệp*, địa chỉ Trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc; (c) *Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;* *(d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.* 44.2 *Cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:* (a) *Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;* *(b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại Điều 44.1 (c), Điều 46.1 (d) Điều 44 của Điều lệ này;* *(c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;*	

		việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.	*(d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng.* 44.3 *Đối tượng quy định tại Điều 44.1 và Điều 44.2 của Điều lệ này phải gửi Ngân hàng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.* *Đối với thông tin tại Điều 44.2 (c), Điều 44.2 (d) của Điều lệ này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp liền trước.* 44.4 *Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại Điều 44.1 và Điều 44.2 của Điều lệ này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các Điều 44.1.(a), Điều 44.1.(b), Điều 44.1.(d) và các Điều 44.2.(a), Điều 44.2.(c), Điều 44.2.(d) của Điều lệ này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.* 44.5 *Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại Điều 44.2.(c) và Điều 44.2.(d) của Điều lệ này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.* 44.6 *Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực,*	

			chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó..	
75.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 47 và thay đổi vị trí thành Điều 45**	**Điều 47. Nghĩa vụ của Người quản lý và Người điều hành khác** 47.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng. 47.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông. 47.3 Trung thành với lợi ích của Ngân hàng; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông. 47.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận. 47.5 Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng. 47.6 Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định Điều 1.1(j) Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.	**Điều 45. Nghĩa vụ của Người quản lý và Người điều hành khác** *45.1 Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.* *45.2 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.* *45.3 Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.* *45.4 Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.* *45.5 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.* *45.6 Không được tạo điều kiện để cá nhân hoặc người có liên quan của mình quy định Điều 1.1(j) Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 48 Luật các TCTD.

		47.7 Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ. 47.8 Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước. 47.9 Am hiểu các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. 47.10 Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	*45.7 Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi Ngân hàng bị lỗ.* *45.8 Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.* *45.9 Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.* *45.10 Am hiểu các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.* *45.11 Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.y.*	
76.	Thay đổi vị trí **Điều 48** thành **Điều 46**			
77.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 49 và thay đổi vị trí thành Điều 47.**	**Điều 49.Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận** 49.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: (a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên và những người có liên quan của họ;	**Điều 47.Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận** 47.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: (a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Ngân hàng trở lên và những người có liên quan của họ;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 67, Điều 70 Luật các TCTD

		(b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ; (c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 46.1(a) và Điều 46.1(b) Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc. 49.2 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Điều 49.1 Điều lệ này có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo tỷ lệ biểu quyết quy định Điều 37.6 của Điều lệ này. 49.3 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Điều 49.1 Điều lệ này có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Tổng Giám đốc Ngân hàng gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại Trụ sở chính, Chi nhánh Ngân hàng dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. 49.4 Trường hợp hợp đồng, giao dịch được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông	(b) Thành viên Hội đồng quản trị, *thành viên Ban kiểm soát,* Tổng Giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của *người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hà*ng; (c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 44.1(a) và Điều 44.1(b) Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc. 47.2 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Điều 47.1 Điều lệ này có giá trị *từ* 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ *trở lên* của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận theo tỷ lệ biểu quyết quy định Điều 35.6 của Điều lệ này. 47.3 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại Điều 47.1 Điều lệ này có giá trị *dưới* 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Tổng Giám đốc Ngân hàng gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại Trụ sở chính, Chi nhánh Ngân hàng dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. 47.4 *Các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo*	

		hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 49.2 và Điều 49.3 Điều lệ này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.	*cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị chấp thuận.* 47.5 *Trường hợp hợp đồng, giao dịch được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 47.2, Điều 47.3 và Điều 47.4 Điều lệ này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.*	
78.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 50 và thay đổi vị trí thành Điều 48**	Điều 50. **Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc** 50.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc: (a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết; (b) Vi phạm quy định những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại của Điều 44 Điều lệ này; (c) Là người đại diện phần vốn góp của của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; (d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chấm dứt; (e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; (f) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;	**Điều 48. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách** Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc của Ngân hàng: Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 42 của Điều lệ này; Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại; Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép; Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực; Chết. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các nhân sự đương nhiên	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 45 Luật các TCTD.

		(g) <u>Hết nhiệm kỳ mà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không được bầu lại;</u> (h) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực. 50.2 Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được (các) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các Điều 50.1 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật. 50.3 Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm. 50.4 Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên theo quy định tại Điều 50.1 của Điều lệ này đương nhiên hết hiệu lực.	mất tư cách theo quy định tại các điểm Điều 48.1.(a), Điều 48.1.(b), Điều 48.1.(c), Điều 48.1.(d), Điều 48.1.(f), Điều 48.1.(g) Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàngụng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm. .	
79.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 51 và thay đổi vị trí thành Điều 49.**	**Điều 51. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc** 51.1 Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của Ngân hàng bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:	**Điều 49. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc** 49.1 *Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 46 Luật các TCTD.

		(a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế; (b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (trong đó nêu rõ lý do từ chức); (c) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập; (d) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng; (e) Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 46 và Điều 47 của Điều lệ này; (f) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này; (g) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 51.2 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 51.1 Điều lệ này. 51.3 Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này, hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm. 51.4 Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây đương nhiên hết hiệu lực khi bị	*Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;* *Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;* *Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Điều lệ này;* *Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 41.2 và Điều 43.2 của Điều lệ này;* *Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ này;* 49.2. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Điều 49.1 Điều lệ này. 49.3. *Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.* 49.4. *Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại Điều 49.1 Điều lệ này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.*	

		miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng. 51.5 Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với (các) thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo quy định Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật. 51.6 Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc mới.		
80.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 52 và thay đổi vị trí thành Điều 50**	Điều 52. **Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát** 52.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 45 của Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết. 52.2 Ban kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập khi Ngân hàng bị kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát; Người điều hành của	**Điều 50. Đình chỉ, tạm đình chỉ *việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên* Hội đồng quản trị, *Người điều hành*, Ban kiểm soát** 50.1 Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 43 của Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao *hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Điều lệ này;* yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết. 50.2 Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 47 Luật các TCTD.

		Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết. 52.3 Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 52.1 và Điều 52.2 của Điều lệ này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.	Người điều hành của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết. 50.3 Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 50.1 và Điều 50.2 của Điều lệ này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.	
81.	**Bổ sung Điều 51**	Không quy định	**Điều 51. Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát** Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ này, Quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.
82.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 53 và thay đổi vị trí thành Điều 52**	**Điều 53. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị** 53.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 53.2 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của	**Điều 52. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị** 52.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 52.2 *Số lượng thành viên Hội đồng quản trị phải có tối thiểu là 05 (năm) thành viên và không quá là 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành thành viên độc lập và không phải là người điều hành của Ngân hàng. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc*	Điều chỉnh cho phù hợp với: Khoản 2, Điều 50, Điều 69 Luật các TCTD; Điều 26.2, Điều 26.3, Điều 26.4, Điều 26.5 Điều lệ mẫu.

		thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Hội đồng quản trị có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Ngân hàng và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập. 53.3 Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được quyền tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước. 53.4 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Ngân hàng quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 53.5 Việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật. 53.6 Những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.	*lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.* *Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.* 52.3 *Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.* 52.4 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Ngân hàng quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 52.5 *Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.* 52.6 Những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.	

		53.7 Nếu Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày..	52.7 *Nếu Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn tối thiểu theo quy định tại Điều 52.2 Điều lệ này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu Ngân hàng phải bổ sung đủ số thành viên Hội đồng quản trị.* *52.8 Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định của Luật Doanh nghiệp.*	
83.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 54, điều chỉnh vị trí thành Điều 53**	**Điều 54. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng. Quyết định cơ cấu tổ chức của Trụ sở chính, bộ phận kiểm toán nội bộ, Chi nhánh, Công ty con, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định Điều **Error! Reference source not found.** của Điều lệ này. Quyết định việc mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký	**Điều 53. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.** 53.1 Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 30.1 của Điều lệ này. 53.2 Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng. 53.3 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. 53.4 Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. 53.5 Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 70 Luật các TCTD;

		Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc Chi nhánh, Công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Cử người đại diện vốn góp (đại diện theo ủy quyền) của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại Điều **Error! Reference source not found.Error! Reference source not found.** Điều lệ này. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều **Error! Reference source not found.Error! Reference source not found.** của Điều lệ này. Thông qua các hợp đồng giao dịch của Ngân hàng với Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ có	53.6 Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 53.7 Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định theo quy định Luật các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 53.8 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng. 53.9 Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. 53.10 Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. 53.11 Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	

		giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.	53.12 Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng. 53.13 Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên. 53.14 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. 53.15 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng. 53.16 Quyết định mua lại cổ phần của theotheotổ chức tín dụng theo phương án được duyệt. 53.17 Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. 53.18 Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. 53.19 Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 53.20 Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. 53.21 Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.	

		Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban	53.22 Phê duyệt các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. 53.23 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. 53.24 Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.	

		hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Ngân hàng. Phê duyệt các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.		
84.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 55, thay đổi vị trí thành Điều 54**	**Điều 55. Chủ tịch Hội đồng quản trị** 55.1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch và (các) Phó chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị: Triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó; Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo	**Điều 54. Chủ tịch Hội đồng quản trị** 54.1. Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình. 54.2 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị: Triệu tập và Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định *của Hội đồng quản trị, văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;* tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó; Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 71, Luật các TCTD,

		cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét; Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này; Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;	Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét; Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; *Định kỳ hàng năm, đánh giá* hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này; Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Ngân hàng, với Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên độc lập khác của Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị; Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. 54.3. *Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản*	

		Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một Phó chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một Phó chủ tịch tạm thời giữ chức Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch đều vắng mặt hoặc không thể làm việc được thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người khác trong số họ để tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.	*trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng biết về việc ủy quyền này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị*	
85.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 56 và thay đổi vị trí thành Điều 55**	**Điều 56. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.** Các thành viên Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều	**Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.** Các thành viên Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: 55.1 Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 55.2 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, *cẩn trọng* vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; *phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 72 Luật các TCTD,

		hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.	*hạn; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.* 55.3 Xem xét *báo cáo kiểm toán*, báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, *làm rõ* các vấn đề có liên quan đến báo cáo. 55.4 Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. 55.5 Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. 55.6 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. 55.7 Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về *nội dung* tất cả thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình. *Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.* 55.8 *Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các Điều 53.1, Điều 53.3, Điều 53.5, Điều 53.6, Điều 53.7, Điều 53.8, Điều 53.9, Điều 53.11, Điều 53.12, Điều 53.13, Điều 53.17 của Điều lệ này.* 55.9 Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.	

			55.10 Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu. 55.11 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.	
86.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 57 và thay đổi vị trí thành Điều 56.**	**Điều 57. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị** 57.1 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công việc. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. 57.2 Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 57.3 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Ngân hàng. 57.4 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban (bao gồm các ủy ban, tiểu ban, hội đồng..)	**Điều 56. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị** 56.1 Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công việc. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. 56.2 Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 56.3 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng, Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Ngân hàng. 56.4 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban (bao gồm các ủy ban, tiểu ban, hội đồng..) của Hội đồng	Điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Điều 28.6 Điều lệ mẫu

		của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 57.5 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị	quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 56.5 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị. *56.6 Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.*	
87.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 58 và thay đổi vị trí thành Điều 57**	**Điều 58. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 58.1 Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để	**Điều 57. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 57.1 Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 30.2, Điều 30.3, Điều 30.4, Điều 30.7 Điều lệ mẫu.

		chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị. 58.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại Trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp họp lần đầu của nhiệm kỳ sẽ do người triệu tập quyết định. 58.3 Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần. 58.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: (a) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập; (b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý; (c) Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị; (d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan. 58.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài	57.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại Trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Trường hợp họp lần đầu của nhiệm kỳ sẽ do người triệu tập quyết định. 57.3 *Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.* 57.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng *văn bản nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị*: (a) *Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập;* *(b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý;* *(c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;* *(d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan.* 57.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.	

		liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. 58.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 58.7 Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp. 58.8 Ngân hàng quy định trong quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn	Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. 57.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. *Thành viên* Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 57.7 Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp. 57.8 Ngân hàng quy định trong quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp. 57.9 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ¾ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này	

		thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp. 58.9 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ¾ (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn ½ (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 58.10 Biểu quyết: (a) Trừ quy định tại Điều 58.10(b) Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết; (b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; (c) Theo quy định tại Điều 58.10(b) Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát	không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn ½ (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 57.10 Biểu quyết: (a) Trừ quy định tại Điều 57.10(b) Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết; (b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; (c) Theo quy định tại Điều 57.10(b) Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;	

		sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; (d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 49.2 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 58.11 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. 58.12 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này.	(d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 47.2 của Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 57.11 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. 57.12 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này. (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. (e) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu	

		- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. - Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 58.13 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 58.14 Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người Chủ tọa cuộc họp. 58.15 Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: (a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;	quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 57.13 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 57.14 Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người Chủ tọa cuộc họp. 57.15 Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: (a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; (b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. 57.16 Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.	

		(b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. 58.16 Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện. 58.17 Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 58.18 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. 58.19 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.	57.17 Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 57.18 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. 57.19 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. 57.20 Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số	

		58.20 Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 58.21 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót. 58.22 Biên bản họp Hội đồng quản trị (a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (ii) Thời gian, địa điểm họp;	thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 57.21 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót. 57.22 Biên bản họp Hội đồng quản trị: (a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; (ii) Thời gian, địa điểm họp; (iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp; (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; (v) .Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;	

		(iii) Mục đích, chương trình và nội dung họp; (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; (v) .Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; (viii) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; (ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) khoản này. (b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết i, ii, iii, iv, v, vi, vii và viii điểm (a) khoản này thì biên bản này có hiệu lực. (c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. (d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.	(ix) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) khoản này. (b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (vii) và (viii) điểm (a) khoản này thì biên bản này có hiệu lực. (c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. (d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. (e) Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	

		(e) Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng		
88.	Thay đổi các vị trí từ **Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 62** thành **Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61.**			
89.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 63 và thay đổi vị trí thành Điều 62.**	**Điều 63. Ban kiểm soát và cơ cấu ban kiểm soát** 63.1 Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Ngân hàng. 63.2 Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Ban kiểm soát phả ícó ít nhất 01(một) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. 63.3 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	**Điều 62. Ban kiểm soát và cơ cấu ban kiểm soát** 62.1 Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, thực hiện *giám sát đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị của Ngân hàng*. 62.2 *Số lượng thành viên Ban kiểm soát tối thiểu của Ngân hàng là 05 (năm) thành viên.* 62.3 Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. 62.4 *Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều 62.2 Điều lệ này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung bảo đảm số thành viên tối thiểu.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 51 Luật các TCTD

		63.4 Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ này thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát. 63.5 Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.	62.5 *Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ của mình.*	
90.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 64 và thay đổi vị trí thành D(iều 63**	**Điều 64. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát** 64.1 Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc. 64.2 Xem xét thư ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Ngân hàng. 64.3 Xem xét báo cáo của Ngân hàng về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận. 64.4 Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành. 64.5 Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	**Điều 63. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát** Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc. Xem xét thư ý kiến của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban điều hành Ngân hàng. Xem xét báo cáo của Ngân hàng về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban điều hành. *Giám sát hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 52 Luật các TCTD,

		64.6 Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hằng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ. 64.7 Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao. 64.8 Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. 64.9 Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 28.2 của Điều lệ này. Ban kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời	*Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán và báo cáo.* *Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.* *Giám sát thực trạng tài chính*, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. *Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.* *Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.*	

		hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. 64.10 Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 64.11 Lập danh sách cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của Ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này. 64.12 Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. 64.13 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	*Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:* *Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;* *Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định của Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.* Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên, và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật danh sách này.	

		64.14 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.	Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ. *Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 63.10, Điều 65.12 và Điều 65.15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Điều lệ này.* Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.	
91.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 65 và thay đổi vị trí thành Điều 64**	**Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát** Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau: 65.1 Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này. 65.2 Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.	**Điều 64. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát** Trưởng Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau: 64.1 Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. 64.2 Triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát. 64.3 Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 53 Luật các TCTD.

		65.3 Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát. 65.4 Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này. 65.5 Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết. 65.6 Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. 65.7 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng. 65.8 Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét. 65.9 Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. 65.10 Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt. 65.11 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.	64.4 Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này. 64.5 Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết. 64.6 Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. 64.7 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo Quy định nội bộ của Ngân hàng. 64.8 Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét. 64.9 Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát. 64.10 *Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.* 64.11 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng	
92.	**Sửa đổi, bổ sung Điều**	**Điều 66. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát**	**Điều 65. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát**	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 54 Luật các TCTD.

	66 và thay đổi vị trí thành Điều 65	Thành viên Ban kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau: 66.1 Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của tổ chức tín dụng và của cổ đông, thành viên góp vốn, chủ sở hữu. 66.2 Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát. 66.3 Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường. 66.4 Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục. 66.5 Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công. 66.6 Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình. 66.7 Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó. 66.8 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.	65.1 Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát *và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát* để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của *Ngân hàng* và của cổ đông;*chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình*. 65.2 Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát. 65.3 Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường. 65.4 Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục. 65.5 *Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.* 65.6 Được quyền yêu cầu *người quản lý, người điều hành,* nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công. 65.7 Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình. 65.8 Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.	

			65.9 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.	
93.	**Sửa đổi khoản 67.1, Điều 67 và thay đổi vị trí thành Điều 66**	67.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.	66.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, *thưởng* và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 41.1, Điều lệ mẫu.
94.	Thay đổi vị trí các **Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71** thành **Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 70.**			
95.	**Sửa đổi, bổ sung Điều 72 và thay đổi vị trí thành Điều 71.**	**Điều 72. Tổng Giám đốc** 72.1 Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng. 72.2 Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. 72.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 72.4 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có	**Điều 71. Tổng Giám đốc** 71.1 Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng. 71.2 Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. 71.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc *không quá* 05 (năm) trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 71.4 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 55, Điều 56 Luật các TCTD.

		quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. 72.5 Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc: (a) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; (b) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng; (d) Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền; thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả; (e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; (f) Quyết định lương, thưởng và phụ cấp đối với tất cả cán bộ, nhân viên và người lao động trong Ngân hàng theo thẩm quyền; (g) Tuyển dụng lao động; (h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh;	quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế. 71.5 Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc: *(a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;* *(b) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng;* *(c) Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;* *(d) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;* *(e) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý;* *(f) Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng;* *(g) Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị;* *(h) Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;* *(i) Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường;*	

		(i) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác; (j) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ, quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo; (k) Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; (l) Quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố,...) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp; (m) Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền; (n) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này; (o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.	*(j) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;* *(k) Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và quy định nội bộ của Ngân hàng.* *(l) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng;* *(m) Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền;* *(n) Quyền hạn, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.* *71.6 Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.*
96.	Thay đổi vị trí **Điều 73** thành **Điều 72**		

97.		**Điều 74. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng** 74.1 Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 74.2 Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại Điều 74.1 của Điều lệ này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 28.2 Điều lệ này có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này. 74.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.	**Điều 73. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng** 73.1 Cổ đông của Ngân hàng có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. 73.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Ngân hàng để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Ngân hàng và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật các TCTD.
98.	Thay đổi vị trí **Điều 75, Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79, Điều 80, Điều 81, Điều 82** thành Điều **74, 75, Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79, Điều 80, Điều 81.**			
99.	**Sửa đổi khoản 83.1, Điều 83 và thay đổi vị trí thành Điều 82.**	83.1 Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.	82.1 Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động *nghỉ* việc, *tiền* lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và *người điều hành Ngân hàng*..	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 50.1 Điều lệ mẫu.
100	**Sửa đổi và hợp nhất tên gọi Chương 15, Chương 16**	**CHƯƠNG 15. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN** **CHƯƠNG 16. HỆ THỐNG KẾ TOÁN, NĂM TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ**	**CHƯƠNG 15. *CÁC NGUYÊN TẮC TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, KIỂM SOÁT NỘI BỘ***	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.

101	**Bổ sung Điều 83.**	Không quy định	***Điều 83. Vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng*** *83.1 Vốn của Ngân hàng bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.* *83.2. Ngân hàng được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan.* *83.3 Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán;*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 144 Luật các TCTD./
102	**Bổ sung Điều 84**	Không quy định	***Điều 84. Doanh thu và nguyên tắc ghi nhận doanh thu*** *84.1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bao gồm:* *Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự;* *Thu nhập từ hoạt động dịch vụ;* *Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;* *Thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, trừ cổ phiếu;* *Thu từ hoạt động góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;* *Thu từ hoạt động khác;* *Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.* *84.2. Các khoản thu của Ngân hàng phải được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan, có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ và phải được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 145 Luật các TCTD.

			84.3. Đối với các khoản phải thu đã hạch toán vào doanh thu nhưng sau đó được đánh giá không thu được hoặc đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng phải hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu hồi, xử lý theo quy định của pháp luật; khi thu được thì hạch toán vào doanh thu. *84.4. Đối với doanh thu từ hoạt động cấp tín dụng, Ngân hàng có trách nhiệm đánh giá khả năng thu hồi nợ và thực hiện phân loại nợ theo quy định của pháp luật để làm căn cứ hạch toán lãi phải thu và thực hiện hạch toán lãi phải thu từ hoạt động cấp tín dụng vào doanh thu theo quy định của Chính phủ.*	
103	**Bổ sung Điều 85**	Không quy định	***Điều 85. Chi phí và nguyên tắc ghi nhận chi phí*** *85.1. Chi phí của Ngân hàng bao gồm:* *Chi phí lãi và các chi phí tương tự;* *Chi phí hoạt động dịch vụ;* *Chi hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng;* *Chi hoạt động kinh doanh các loại chứng khoán được phép kinh doanh theo quy định của Luật các TCTD;* *Chi góp vốn, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần;* *Chi hoạt động kinh doanh khác;* *Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;* *Chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên;* *Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 146 Luật các TCTD.

			Chi về tài sản; *Chi trích lập dự phòng;* *Chi bảo toàn và bảo hiểm tiền gửi;* *Chi phí khác.* *85.2. Chi phí của Ngân hàng là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh Ngân hàng; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.* *85.3. Việc xác định chi phí khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.*	
104	**Sửa đổi, bổ sung Điều 84 và thay đổi vị trí thành Điều 86**	**Điều 84. Phân chia lợi nhuận sau thuế** Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.	***Điều 86. Phân phối lợi nhuận và các quỹ*** *Phần lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì được phân phối theo quy định của Chính phủ.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 148 Luật các TCTD.
105	Thay đổi vị trí **Điều 85** thành **Điều 86, Điều 87**			
106	**Sửa đổi, bổ sung Điều 87 và thay đổi vị trí thành Điều 88**	**Điều 87. Năm tài chính** Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 (một) tháng 01 (một) dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm.	**Điều 88. Năm tài chính** Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 *cùng năm dương lịch.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 149, Luật các TCTD.

107	Thay đổi vị trí **Điều 86** thành **Điều 89.**			
108	**Sửa đổi, bổ sung Điều 88 và thay đổi vị trí thành Điều 90**	**Điều 88. Kiểm toán nội bộ** 88.1 Ngân hàng phải thành lập hệ thống kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ. 88.2 Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình quy định, góp phần đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. 88.3 Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc của Ngân hàng. 88.4 Tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ được thực hiện theo quy định pháp luật và Ngân hàng.	**Điều 90. Kiểm toán nội bộ** Ngân hàng phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ *Ngân hàng*. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ *cơchế*, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị Tổng giám đốc của Ngân hàng.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 58 Luật các TCTD.
109	**Sửa đổi, bổ sung Điều 89 và thay đổi vị trí thành Điều 91**	**Điều 89. Hệ thống kiểm soát nội bộ** 89.1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. 89.2. Ngân hàng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:	**Điều 91. Hệ thống kiểm soát nội bộ** 91.1. *Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.* Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây: Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 57 Luật các TCTD.

		(a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực; (b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; (c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ. 89.3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.	Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; Tuân thủ pháp luật và các *cơ chế, chính sách*, quy trình, quy định nội bộ. *Ngân hàng xây dựng* hệ thống kiểm soát nội bộ *và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.*	
110	**Xóa bỏ Điều 90.**	**Điều 90. Quyền hạn và nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ** **90.1. Kiểm toán nội bộ có các quyền hạn sau:** Được trang bị đầy đủ nguồn lực (nhân lực, tài chính và các phương tiện khác) cần thiết; Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt; Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ; Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; Được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Ngân hàng về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;	**Không quy định**	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.

		Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý, Người điều hành có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ; Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật, hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng; Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo các đơn vị, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị; Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của đơn vị được kiểm toán; Kiểm toán viên nội bộ được đào tạo thường xuyên về nghiệp vụ để có đủ trình độ, năng lực chuyên môn thực hiện nhiệm vụ được giao; Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. Kiểm toán nội bộ có các nhiệm vụ sau: Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại tổ chức tín dụng trình Ban kiểm soát xem xét, phê duyệt sau khi báo cáo Hội đồng quản trị; Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm hoặc đột xuất và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch hoặc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả; Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, hoạt động của Ngân		

		hàng dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng. Đối với tất cả những vấn đề có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Ngân hang, kiểm toán nội bộ cần thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng đối với hoạt động của Ngân hàng và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này; Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những vi phạm; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ; Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng; Lập báo cáo kiểm toán; thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật; Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của hoạt động ngân hàng; Thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng công tác kiểm toán nội bộ; Thiết lập hồ sơ về trình độ năng lực và các yêu cầu cần thiết đối với kiểm toán viên nội bộ để làm cơ sở tuyển dụng, đề bạt, luân chuyển cán bộ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; lập kế hoạch tuyển dụng và bố trí đầy đủ nhân sự để đảm bảo công việc giám sát từ xa được		

		liên tục; tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ; Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ; Tư vấn cho Người điều hành, Hội đồng quản trị của Ngân hàng và các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các dự án xây dựng, áp dụng mới hay sửa đổi những quy trình nghiệp vụ quan trọng; cơ chế quản trị, điều hành; quy trình nhận dạng, đo lường, đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin, hạch toán, kế toán; thực hiện các nghiệp vụ, sản phẩm mới với điều kiện không ảnh hưởng tới tính độc lập của kiểm toán nội bộ; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Ngân hàng.		
111	**Xóa bỏ Điều 91**	**Điều 91. Trách nhiệm của kiểm toán nội bộ** 91.1 Bảo mật tài liệu, thông tin có được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và theo quy định của điều lệ này. 91.2 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, kết quả đánh giá, kiến nghị và đề xuất đã đưa ra.	**Không quy định**	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD.

		91.3 Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau khi thực hiện việc kiểm soát và kiểm toán.		
112	**Sửa đổi, bổ sung Điều 92 và thay đổi vị trí thành Điều 92**	**Điều 92. Trích lập quỹ** 92.1 Hàng năm, Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ theo tỷ lệ trích lập do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật như sau: (a) Trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; (b) Trích lập vào quỹ dự phòng tài chính; (c) Quỹ khen thưởng; (d) Quỹ phúc lợi; (e) Các quỹ khác (nếu có). 92.2 Ngân hàng không được dùng các quỹ quy định tại Điều 92.1 để trả cổ tức cho cổ đông. 92.3 Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, kết quả đánh giá, kiến nghị và đề xuất đã đưa ra. 92.4 Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau khi thực hiện việc kiểm soát và kiểm toán.	**Điều 92. Trích lập quỹ** Hằng năm, Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây: *Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hằng năm theo tỷ lệ 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của Ngân hàng;* *Quỹ dự phòng tài chính;* *Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.* Ngân hàng *quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định của pháp luật*	Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 2 Điều 148, Luật các TCTD.
113	Thay đổi vị trí **Điều 92a** thành **Điều 93**.			
114	Thay đổi **Chương 17** thành **Chương 16**			
115	Thay đổi vị trí các **Điều 93, 94** thành **Điều 94, Điều 95**.			
116	Thay đổi vị trí **Chương 18** thành **Chương 17**			

117	**Sửa đổi, bổ sung Điều 95 và thay đổi vị trí thành Điều 96**	**Điều 95. Kiểm toán độc lập** 95.1 Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng lựa chọn Công ty kiểm toán được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn. 95.2 Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng. 95.3 Ngân hàng sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 95.4 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng phải tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	**Điều 96. Kiểm toán độc lập** 96.1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập đáp ứng yêu cầu *theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước* để kiểm toán báo cáo tài chính *và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* trong năm tài chính tiếp theo. 96.2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn. *96.3 Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Ngân hàng.* *96.4 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 59 Luật các TCTD
118	**Sửa đổi, bổ sung tên Chương 19 và thay đổi**	**CHƯƠNG 19. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, GIA HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG**	**CHƯƠNG 18. GIẢI THỂ, *CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG*, GIA HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG**	Điều chỉnh cho phù hợp với các nội dung điều chỉnh tại Chương này, phù hợp với quy định tLuật Các TCTD

	vị trí thành Chương 18			
119	**Xóa bỏ Điều 97**	**Điều 97. Phá sản Ngân hàng** Sau khi Ngân hàng Nhà nưhc có văn bnà chnà dứt kiểm soát đoá biát hoát văn b 9 ch b dứt áp dpng ho b văn bo không áp dp b các bicb pháp pháp hhá khh năng thanh toán mà Ngân hàng vẫà lâm vào tình trạng phá shán thì Ngân hàng đó phảà làm đơn yêu cầ Tòa án mở thy thy gihy quyêu yêu cầu tuyên bố phá shá theo quy đuyo cuy pháp lu. P Thá thá phá shá và vi á thanh lý tài sải ci Ngân hàng trong trường hợp phá sảhángân hàng được thực hián theo quy đuyo cuy pháp lupoh	Không quy định	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39, Luật các TCTD, Điều lệ mẫu.
120	**Sửa đổi, bổ sung Điều 98 và thay đổi vị trí thành Điều 97**	**Điều 98. Ngân hàng giải thể trong các trường hợp sau đây:** Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; Bị thu hồi Giấy phép. Thủ tục giải thể và việc thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp giải thể Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật.	**Điều 97. Trường hợp giải thể Ngân hàng** 97.1. Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động. 97.2. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép. 97.3. Ngân hàng tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. 97.4 Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 202 Luật các TCTD.

121	**Bổ sung Điều 98**	**Không quy định**	**Điều 98. Thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động** 98.1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 97 của Điều lệ này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định. 98.2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của Ngân hàng, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ này. 98.3. Ngân hàng bị thanh lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.	Bổ sung cho phù hợp với Điều 204 Luật các TCTD
122	**Sửa đổi, bổ sung khoản 99.2, Điều 99**	**Điều 99. Gia hạn hoạt động** 99.2 Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua	**Điều 99. Gia hạn hoạt động** 99.2 Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu *biểu quyết* của *tất cả* cổ đông *dự họp* Đại hội đồng cổ đông *tán thành.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 60.2 Điều lệ mẫu.
123	**Thay đổi vị trí Chương 20 thành Chương 19**			
124	**Sửa đổi, bổ sung Điều 100**	**Điều 100. Con dấu** 100.1 Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc quản lý sử dụng và	**Điều 100. Con dấu** 100.1 *Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.*	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 58 Điều lệ mẫu.

		lưu giữ con dấu thực hiện tuân theo quy định chi tiết của Tổng giám đốc trong từng thời kỳ. 100.2 Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Ngân hàng và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	100.2 Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng *và quản lý* dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.. 100.3 Hội đồng quản trị quyết định *loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Ngân hàng, chi nhánh, Phòng giao dịch, văn phòng đại diện* của Ngân hàng.	
125	Thay đổi vị trí **Chương 21** thành **Chương 20.**			
126	Thay đổi vị trí **Chương 22** thành **Chương 21**			
127	**Sửa đổi, bổ sung Điều 102**	**Điều 102. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ** 102.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. 102.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.	**Điều 102. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ** 102.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. 102.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng. 102.3 Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng phải gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông qua	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 39 Luật các TCTD
128	**Sửa đổi, khoản 103.2 Điều 103**	**Điều 103. Điều khoản chung** **103.2** Điều lệ này gồm 22 (hai mươi hai) chương, 104 (một trăm lẻ bốn) điều, có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua và ký ban hành vào ngày 08 tháng 04 năm 2022, được sửa đổi bổ sung ngày 26 tháng 04 năm 2023, ngày 26 tháng 07 năm 2023 và ngày….tháng 12 năm 2023.	**Điều 103. Ngày hiệu lực và quy định chuyển tiếp** 103.1 Điều lệ này gồm 21 (hai mươi mốt) Chương, 103 (một trăm lẻ ba) Điều, có hiệu lực kể ngày 01 tháng 07 năm 2024 và thay thế Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 08 tháng 04 năm 2022 (sửa đổi bổ sung ngày 26 tháng 04 năm 2023, ngày 26 tháng 07 năm 2023 và ngày 27 tháng 12 năm 2023). 103.2. Quy định chuyển tiếp:	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều 209, Điều 210 Luật các TCTD.

			Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 của Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm. *Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 52.2, Điều 52.3 Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.* *Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều 62.2 Điều lệ này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 63.2 của Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 08 tháng 04 năm 2022 (sửa đổi bổ sung ngày 26 tháng 04 năm 2023, ngày 26 tháng 07 năm 2023 và ngày 27 tháng 12 năm 2023) cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm, thay thế thành viên Ban kiểm soát.* *Các nội dung khác liên quan đến tổ chức, quản trị, điều hành của Ngân hàng, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng thực hiện theo các quy định chuyển tiếp của Luật các tổ chức tín dụng.*	

Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt:

Luật doanh nghiệp: Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Luật các tổ chức tín dụng/Luật các TCTD: Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Điều lệ mẫu: Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155 về quản trị công ty đại chúng.

BVBank
Ngân hàng Bản Việt

Số: 57/24/BVBank/TT-HĐQT *TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024*

TỜ TRÌNH

Về các nội dung ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT**

Nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong hoạt động quản trị, điều hành của Ngân hàng TMCP Bản Việt (Ngân hàng), đồng thời để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, giải quyết những vấn đề phát sinh được chủ động và kịp thời; Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc uỷ quyền cho HĐQT trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội một số nội dung sau:

1. Quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp có giá trị từ 20% vốn Điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Thành lập hoặc mua lại các công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành;
2. Quyết định việc xử lý các rủi ro tổn thất tín dụng và phi tín dụng, bao gồm việc sử dụng quỹ dự phòng, miễn, giảm lãi ... nhằm đẩy mạnh thu hồi các khoản nợ và các khoản phải thu khác theo quy định để nhanh chóng thu hồi vốn đưa vào kinh doanh. Quyết định các giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
3. Quyết định đề án hoạt động đối ngoại; Quyết định phương án đầu tư, mua bán tài sản, xây dựng cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật; Quyết định việc đầu tư, mua bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% vốn Điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất để đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh;
4. Quyết định các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của Ngân hàng; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
5. Quyết định tham gia hỗ trợ, Phương án xử lý, tái cơ cấu (các) Quỹ tín dụng nhân dân trình Ngân hàng Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận. Thực hiện chỉnh sửa, hoàn thiện và triển khai thực hiện Phương án theo quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước để nâng cao uy tín, thương hiệu Ngân hàng trên thị trường tài chính.
6. Xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
7. Quyết định và chỉ đạo thực hiện các thủ tục liên quan đến việc niêm yết các Chứng khoán phát hành ra công chúng của Ngân hàng sau khi kết thúc các đợt phát hành trên hệ thống giao dịch chứng khoán/Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định pháp luật.

Hội đồng quản trị báo cáo việc triển khai các nội dung được ủy quyền nêu trên tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

LÊ ANH TÀI

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

Số: /24/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- *Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH-12 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các TCTD 2017;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;*
- *Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử và biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Ngân hàng TMCP Bản Việt tổ chức ngày 19/04/2024.,*

QUYẾT NGHỊ

Ngày 19/04/2024, tại Hội trường khách sạn Mường Thanh Holiday Mũi Né - Số 54 Huỳnh Thúc Kháng, KP4, P. Hàm Tiến, TP. Phan Thiết, Bình Thuận, Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank) đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (trên cơ sở vốn điều lệ **5.016.800 triệu đồng**). Đại hội đã thảo luận và thống nhất biểu quyết:

Điều 1. Thông qua Báo cáo số 47/24/BVBank/BC-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về việc đánh giá công tác Hội đồng quản trị, kết quả triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của BVBank với tỷ lệ ……%.

- Thông qua công tác tổ chức, triển khai nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2023;
- Thông qua các kết quả chỉ tiêu chung đã đạt được so với kế hoạch đã trình ĐHĐCĐ;
- Thông qua kết quả công tác quản trị, giám sát điều hành, phê duyệt cấp tín dụng, quản trị nhân sự, kết quả xử lý nợ xấu và thực hiện các dự án lớn trọng điểm đã thực hiện trong năm 2023;
- Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 01/23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023;

- Thông qua Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023;
- Thông qua các kết quả thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT.

Điều 2. Thông qua Tờ trình số 48/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về việc định hướng hoạt động và kế hoạch kinh doanh năm 2024 của BVBank với tỷ lệ…….....%

1. Thông qua các giải pháp định hướng của HĐQT bao gồm:

- Thúc đẩy tăng trưởng kết hợp việc giám sát chặt chẽ chất lượng tín dụng, đẩy mạnh các khoản cho vay quy mô nhỏ và tín dụng tiêu dùng qua kênh ngân hàng số.
- Tiếp tục thúc đẩy việc xử lý nợ và kiểm soát nợ xấu theo hướng hiện đại hóa các giải pháp quản lý và thu hồi nợ để tăng năng suất.
- Tăng cường vai trò và phát triển các giải pháp phân tích tài chính và mô hình kinh doanh hiện đại trong công tác quản trị điều hành.
- Mở rộng mạng lưới kinh doanh theo hướng thận trọng và cân đối; ưu tiên việc mở các chi nhánh mới, chỉ mở các phòng giao dịch tại các địa bàn thật cần thiết.
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình theo hướng đẩy mạnh việc chuyên môn hóa một cách sâu rộng kết hợp công tác đào tạo để tăng cường chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

2. Thông qua định hướng kế hoạch tài chính năm 2024 của BVBank (*):

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2024	2023	Tỷ lệ %
Tổng Tài sản	100.000	87.884	14%
Huy động khách hàng	74.086	67.162	10%
Dư nợ cấp tín dụng	65.937	57.768	14%(**)
Lợi nhuận trước thuế	200	72	179%
Tỷ lệ nợ xấu	< 3%	2,79%	
Phát triển mạng lưới (ĐVKD)	126	116	9%

(**) Theo chấp thuận của NHNN

(*) *Nhằm tạo điều kiện linh hoạt cho HĐQT trong công tác quản trị Ngân hàng, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế theo chỉ đạo của Chính phủ, NHNN và hoạt động kinh doanh của BVBank.*

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban điều hành số 876A/24/BVBank/BC-TC ngày 27/03/2024 về báo cáo tổng quan hoạt động năm tài chính 2023 và kế hoạch thực hiện các định hướng kinh doanh năm 2024 với tỷ lệ …….%.

a. *Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu trọng yếu năm 2023 và hoạt động kinh doanh năm 2023:*

ĐVT: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu trong 5 năm	2023	2022	2021	2020	2019	23/19
Tổng Tài sản	87.884	79.067	76.511	61.102	51.905	1,7
Huy động khách hàng	67.162	59.614	55.822	46.596	37.802	1,8
Dư nợ cấp tín dụng	57.768	50.859	46.409	40.121	34.474	1,7
Lợi nhuận trước thuế	72	456	311	201	158	0,5
Tỷ lệ nợ xấu (Thông tư 11)	2,79%	2,41%	2,11%	2,29%	2,03%	
PTML (số lượng ĐVKD)	116	108	88	87	70	1,7

Chỉ tiêu	2023	KH2023	2022	23/KH	23/22
Tổng thu nhập hoạt động	1.755	1.820	1.917	96%	92%
Tổng Chi phí hoạt động	(1.407)	(1.410)	(1.237)	100%	114%
Lợi nhuận trước DPRR	348	410	680	85%	51%
Chi phí DPRR	(277)	(280)	(224)	99%	123%
Lợi nhuận trước thuế	72	130	456	55%	16%
CIR	80,2%	77,5%	64,5%		

b. *Thông qua Báo cáo hoạt động hỗ trợ kinh doanh trong năm 2023 của các Khối;*

c. *Thông qua kế hoạch thực hiện các định hướng kinh doanh năm 2024 của Ban điều hành.*

Điều 4. Thông qua Báo cáo số 15/24/BVBank/BC-BKS ngày 28/03/2024 của Ban kiểm soát về Báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm 2023 với tỷ lệ …….%;

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 18/24/BVBank/TT-BKS ngày 28/03/2024 của Ban kiểm soát về mức thù lao, chi phí hoạt động của Thành viên Ban kiểm soát năm 2024 với tỷ lệ ……%

- Tổng mức thù lao, phụ cấp trong năm 2024 của BKS là: 2.7 tỷ đồng.
- Tổng ngân sách chi phí hoạt động trong năm 2024 của BKS là: 300 triệu đồng.

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Ban kiểm soát quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của từng thành viên Ban kiểm soát và chi phí hoạt động theo tổng ngân sách được ĐHĐCĐ năm 2024 phê duyệt.

Điều 6. Thông qua Tờ trình số 17/24/BVBank/TT-BKS ngày 28/03/2024 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của BVBank với tỷ lệ……%

Theo đó, dựa trên danh sách Công ty kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua, ĐHĐCĐ ủy quyền cho BKS quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2024 của BVBank.

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 49/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm tài chính 2023 đã kiểm toán với tỷ lệ …..%

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 50/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 với tỷ lệ …..%

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	**Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023**	**71.605.258.498**
2	Thuế TNDN phải nộp	15.037.656.745
3	**Lợi nhuận sau thuế dùng để trích quỹ**	**56.567.601.753**
4	**Trích lập các quỹ**	**8.485.140.263**
4.1	Quỹ dự trữ bổ sung VĐL (5%)	2.828.380.088
	- *BVB*	*2.772.137.713*
	- *AMC*	*56.242.375*
4.2	Quỹ dự phòng tài chính (10%)	5.656.760.175
	- *BVB*	*5.544.275.426*
	- *AMC*	*112.484.749*
5	**Lợi nhuận giữ lại năm 2023 sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định**	**48.082.461.490**

Điều 9. Thông qua Tờ trình số 51/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về tổng thù lao, phụ cấp chuyên trách và chi phí hoạt động của Thành viên HĐQT năm 2024 với tỷ lệ…..%

- Tổng mức thù lao, phụ cấp, thưởng trong năm 2024 của HĐQT: 09 tỷ đồng
- Chi phí hoạt động của HĐQT sẽ được thực hiện tuân thủ theo Quy định nội bộ của BVBank và quy định pháp luật hiện hành.
- Ủy quyền cho HĐQT quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với từng thành viên HĐQT dựa trên cơ sở kết quả kinh doanh của BVBank.

Điều 10. Thông qua Tờ trình số 52/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 của BVBank với tỷ lệ …….%

Điều 11. Thông qua Tờ trình số 53/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về việc chuyển giao dịch cổ phiếu BVB từ Upcom sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán với tỷ lệ…….%

Điều 12. Thông qua Tờ trình số 54/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng với tỷ lệ…….%

- Thông qua Quy chế Nội bộ về quản trị ngân hàng BVBank, chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm theo Nghị Quyết này.
- Giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành và triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 13. Thông qua Tờ trình số 55/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với tỷ lệ…….%

- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị BVBank, chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm theo Nghị Quyết này.
- Giao Chủ tịch HĐQT ký ban hành và triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 14. Thông qua Tờ trình số 16/24/BVBank/TT-BKS ngày 28/03/2024 của BKS về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát với tỷ lệ…….%

- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát BVBank, chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm theo Nghị Quyết này.
- Giao Ban kiểm soát ký ban hành và triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 15. Thông qua Tờ trình số 56/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 của HĐQT về việc ban hành Điều lệ BVBank với tỷ lệ…….%

Điều 16. Thông qua Tờ trình số 57/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 về các nội dung ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT với tỷ lệ…….%

- Quyết định phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp có giá trị từ 20% vốn Điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; Thành lập hoặc mua lại các công ty con, công ty liên kết để thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành;
- Quyết định việc xử lý các rủi ro tổn thất tín dụng và phi tín dụng, bao gồm việc sử dụng quỹ dự phòng, miễn, giảm lãi ... nhằm đẩy mạnh thu hồi các khoản nợ và các khoản phải thu khác theo quy định để nhanh chóng thu hồi vốn đưa vào kinh doanh. Quyết định các giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
- Quyết định đề án hoạt động đối ngoại; Quyết định phương án đầu tư, mua bán tài sản, xây dựng cơ sở vật chất và trang bị kỹ thuật; Quyết định việc đầu tư, mua bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% vốn Điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất để đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh;
- Quyết định các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên

HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông lớn của Ngân hàng; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;

- Quyết định tham gia hỗ trợ, Phương án xử lý, tái cơ cấu (các) Quỹ tín dụng nhân dân trình Ngân hàng Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận. Thực hiện chỉnh sửa, hoàn thiện và triển khai thực hiện Phương án theo quy định, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước để nâng cao uy tín, thương hiệu Ngân hàng trên thị trường tài chính.
- Xem xét điều chỉnh các chỉ tiêu trong kế hoạch kinh doanh năm 2024 phù hợp với tình hình thực tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
- Quyết định và chỉ đạo thực hiện các thủ tục liên quan đến việc niêm yết các Chứng khoán phát hành ra công chúng của Ngân hàng sau khi kết thúc các đợt phát hành trên hệ thống giao dịch chứng khoán/Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết

Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao HĐQT, BKS và Ban Điều hành BVBank có trách nhiệm phổ biến và triển khai thực hiện các nội dung đã được thông qua nêu trong Nghị quyết này.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 19/04/2024. HĐQT có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực thi nội dung Nghị quyết này trong phiên họp thường niên kế tiếp./.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- NHNN, UBCKNN *(để báo cáo);*
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ ANH TÀI

PHỤ LỤC 01: DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

(Đính kèm Tờ trình số 54/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024)

- *Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...*
- *Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt,*
- *Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm các nội dung sau:*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt (Ngân hàng) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật trong từng thời kỳ.

Điều 3. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền

dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:
   (a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Ngân hàng niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
   (b) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết.
   (c) Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cách thức tải tài liệu, bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát; phiếu biểu quyết; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
   (a) Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp.
   (b) Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

   Cách thức đăng ký họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định pháp luật có liên quan.
5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết. Các trường hợp còn lại, thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
6. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
8. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một người hoặc Tổ thư ký làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản của Ngân hàng

và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Các nội dung Biên bản họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

9. Các vấn đề liên quan đến việc công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
2. Các vấn đề về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp hội nghị trực tuyến.

Các vấn đề liên quan đến trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp hội nghị trực tuyến, bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết theo quy định Luật Doanh nghiệp và Quy chế Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Các vấn đề liên quan đến vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật.

Mục 2.

Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.

Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp có quy định khác.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

Điều 8. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Cách thức bầu, giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến cách thức bầu, giới thiệu ứng viên (đề cử, ứng cử) thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Mục 3.

Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Điều 13. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công việc. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

Các vấn đề còn lại liên quan đến thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Mục 4.

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến trình tự, tổ chức họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

Thời gian, địa điểm họp;

Mục đích, chương trình và nội dung họp;

Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Các vấn đề còn lại liên quan đến Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Mục 5.

Các ủy ban, tiểu ban và bộ phận giúp việc thuộc Hội đồng quản trị

Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Các vấn đề liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các ủy ban, tiểu ban, bộ phận giúp việc thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

Mục 6.

Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Điều 17. Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Các vấn đề liên quan đến Người phụ trách quản trị Ngân hàng, bao gồm tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Mục 1.

Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Điều 18. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Các vấn đề liên quan đến vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật.

Mục 2.

Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Điều 19. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều này và quy định pháp luật liên quan, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Điều lệ hoặc pháp luật có quy định khác.

Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng.

Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Các vấn đề liên quan đến đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 22. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Các vấn đề liên quan đến cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Các vấn đề liên quan đến các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 24. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 25. Thù lao, thưởng và lợi ích khác

Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

Các vấn đề còn lại liên quan đến thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Chương V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 26. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Các vấn đề liên quan đến vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.

Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 28. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Các vấn đề liên quan đến việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 29. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Thông tin về tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo tài chính thường niên của Ngân hàng.

Các vấn đề liên quan đến tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định nội bộ, Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 30. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

1. Các vấn đề còn còn lại liên quan đến thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 31. Thông báo quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Các vấn đề liên quan đến việc thông báo quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 32. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Các vấn đề liên quan đến các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 33. Báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Các vấn đề liên quan đến việc cung cấp thông tin và cách thức thông báo thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 34. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Ngân hàng.
2. Tuân thủ Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác

1. Khen thưởng:
   (a) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân.
   (b) Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc các nhân được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Kỷ luật:
   (a) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng.
   (b) Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định, Điều lệ của Ngân hàng.

Chương VII

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 36. Điều khoản thi hành

1. Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 36 (ba mươi sáu) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
2. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
3. Điều khoản chuyển tiếp:
   (a) Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) có hiệu lực thi hành mà không đáp

ứng quy định tại các Điều 41, 42 và 43 của Luật Các TCTD được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm;

(b) Hội đồng quản trị Ngân hàng được bầu trước ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật Các TCTD được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị;

(c) Đến ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các TCTD được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

4. Điều khoản ưu tiên áp dụng:

(a) Trong trường hợp có những nội dung được quy định khác nhau giữa Quy chế này và Điều lệ thì ưu tiên áp dụng theo Điều lệ.

(b) Trường hợp có những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng.

(c) Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong Quy chế này và/hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 02: DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

(Đính kèm Tờ trình số 55/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024)

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân Hàng TMCP Bản Việt;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số …….ngày ...tháng...năm...;*
- *Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt,*
- *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm các nội dung sau:*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. **Phạm vi điều chỉnh:**
   Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt (Ngân hàng).
2. **Đối tượng áp dụng:**
   Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các nghĩa vụ sau:
   (a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng Quy chế này và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
   (b) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
   (c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
   (d) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
   (e) Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
   (f) Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật Các tổ chức tín dụng.
   (g) Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
   (h) Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
   (i) Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của đơn vị trong Ngân hàng.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3

(hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
   (a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Các tổ chức tín dụng;
   (b) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
   (c) Có trình độ từ đại học trở lên;
   (d) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với Ngân hàng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
   (e) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
   (a) Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;
   Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;
   (b) Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

(c) Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

(d) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

(e) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

(b) Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

(c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

(d) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

(e) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

(f) Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

(g) Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

(h) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.

(i) Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.

(j) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;

(k) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

(l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 45 của Luật Các tổ chức tín dụng, Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;

b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng;
d) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 41 và khoản 3 Điều 43 của Luật Các tổ chức tín dụng;
đ) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ của tổ chức tín dụng.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật liên quan.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân

được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

(a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

(b) Trình độ chuyên môn;

(c) Quá trình công tác;

(d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

(e) Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;

(f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;

(g) Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 11. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu. Những người được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

2. Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách người được bầu trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Ngân hàng và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

(a) Triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của tổ chức tín dụng sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên.

(b) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Các tổ chức tín dụng.

(c) Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng.

(d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.

(e) Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

(f) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

(g) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng ụng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(h) Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(i) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.

(j) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

(k) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.

(l) Ban hành quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

(m) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của tổ chức tín dụng.

(n) Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

(o) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

(p) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

(q) Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được duyệt.

(r) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

(s) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

(t) Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(u) Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

(v) Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

(w) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản tri trong việc phê duyệt, ký hợp đồng giao dịch được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

(a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;

(b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng;

(c) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng;

(d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;

(e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

(f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;

(g) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

(a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

(b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

(c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

(d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

(e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

(f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

(g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

(h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các Ủy ban, tiểu ban và bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị phải thành lập các ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của hai ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Hội đồng quản trị có bộ phận giúp việc. Chức năng nhiệm vụ của bộ phận giúp việc sẽ do Hội đồng quản trị quy định.

3. Ngoài các Ủy ban và bộ phận giúp việc nêu tại khoản 1, 2 nêu trên, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban, trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định theo quy định Điều lệ Ngân hàng bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Ngân hàng. Thư ký Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau đây:

(a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

(b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

(c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Ngân hàng;

(d) Hỗ trợ Ngân hàng trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

(e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định pháp luật liên quan.

5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của các ủy ban, tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   (a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   (b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
   (c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
   (d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và pháp luật khác có liên quan.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Ngân hàng quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn ½ (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
   (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
   (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
   (e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Ngân hàng.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14 và 18 Điều 70 của Luật Các tổ chức tín dụng.

12. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định tỷ lệ khác cao hơn, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
   (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   (b) Thời gian, địa điểm họp;

(c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

(d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

(e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

(f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

(g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

(h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

(i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (đ), (e), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
   (a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
   (b) Báo cáo tài chính;
   (c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng;
   (d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm (a), (b) và (c) khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Ngân hàng không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Ngân hàng liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Ngân hàng có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:
   a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
   b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
   c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
   d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải gửi Ngân hàng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.
4. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực

do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm 07 (bảy) chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.
2. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
3. Điều khoản chuyển tiếp:
   (a) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng được bầu trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 41, 42 và 43 của Luật Các tổ chức tín dụng được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu.
   (b) Hội đồng quản trị Ngân hàng được bầu trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật Các tổ chức tín dụng được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
4. Điều khoản ưu tiên áp dụng:
   (a) Trong trường hợp có những nội dung được quy định khác nhau giữa Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng thì ưu tiên áp dụng theo Điều lệ Ngân hàng.

(b) Trường hợp có những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng.

(c) Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong Quy chế này và/hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Phụ lục 03 : QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Đính kèm Tờ trình số 16/24/BVBank/TT-BKS ngày 28 /03/2024)

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;*

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. *Phạm vi điều chỉnh*: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt ("Ngân hàng") và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. *Đối tượng áp dụng*: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Bầu 01 thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

5. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.
6. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
7. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
8. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
9. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 15 của Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
3. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Khoản 11 Điều 15 của Quy chế này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
8. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
10. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Ngân hàng phải có tối thiểu 05 thành viên. Số lượng thành viên của Ban kiểm soát do Điều lệ của Ngân hàng quy định.
2. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc

thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 7 Quy chế này;
2. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
3. Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
5. Không phải là người có liên quan của người quản lý Ngân hàng;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó;
7. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát

Những người sau đây không được là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng:

1. Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng;
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
4. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc của Ngân hàng theo quy định tại Điều 47, Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;
5. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật các tổ chức tín dụng;
6. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc Ngân hàng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối

với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

1. Người quản lý, người điều hành Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
2. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

Điều 9. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Những trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng:

a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 7 Quy chế này;

b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;

c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông;

d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

đ) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép;

e) Chết.

2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng tối thiểu theo quy định tại khoản 1, Điều 5, Quy chế này, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng.

3. Danh sách dự kiến những người đề cử, ứng cử để bầu làm thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu. Những người được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
4. Các trường hợp còn lại thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật liên quan.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Ban kiểm soát được bầu và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 12. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban, thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 9 Quy chế này, Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Ngân hàng và được chấp thuận;

b) Bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

c) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 6 Quy chế này;

d) Bãi nhiệm khi vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng hoặc trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

e) Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo Điều lệ Ngân hàng.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 13. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Sau khi danh sách những ứng cử viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Ngân hàng;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;

g) Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

3. Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách người được bầu chức danh thành viên Ban kiểm soát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế này, Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Chương III

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ Ngân hàng và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật này và Điều lệ của Ngân hàng.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.

3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

4. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

6. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.

7. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Ngân hàng.

11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

12. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
13. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
14. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 16. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 17. Cuộc họp và Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
3. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương IV

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng; về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành Ngân hàng khác.

7. Kết quả giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

9. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Thù lao và các quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ Ngân hàng không có quy định khác, thì tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền thù lao, thưởng và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Điều 20. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ

05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải gửi Ngân hàng bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin theo khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.

4. Thành viên Ban kiểm soát phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

5. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương V

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm 06 chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.

Đến ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các tổ chức tín dụng được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Bản Việt thông qua tại kỳ họp ngày 19 tháng 04 năm 2024.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phan Thị Hồng Lan